TỈNH UỶ TÂY NINH
VĂN PHÒNG
*
Số 4487-CV/VPTU
V/v sao gửi văn bản và truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tây Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 9579
Ngày: 20/4/20
Chuyển: VP

Kính gửi: - Ban Nội chính Tỉnh uỷ,
- Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh.

P.VC (Ly)
ưng

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ, Văn phòng Tỉnh uỷ sao gửi Báo cáo số 213-BC/BCĐCT32, ngày 10/4/2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân để các đồng chí nắm, chủ động chỉ đạo thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới .

Văn phòng Tỉnh uỷ xin truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ để các đồng chí biết, thực hiện.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Phòng Tổng hợp - VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

NTVA-03

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG
TỈNH ỦY TÂY NINH

Tô Thị Tuyết Mai

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 213 - BC/BCĐCT32

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

HỎA TỐC

VĂN PHÒNG TU. TÂY NINH
ĐẾN
SỐ: 2115 NGÀY: 13-4-20
CHUYỂN: Mai
LƯU HỒ SƠ:

BÁO CÁO TỔNG KẾT
15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân

Kính gửi: Ban Bí thư Trung ương Đảng,

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư về việc tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân (sau đây gọi là Chỉ thị số 32-CT/TW), căn cứ Kế hoạch số 98-KH/BCĐCT32 ngày 16/5/2019 của Ban Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo), Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, nghiên cứu chuyên đề chuyên sâu và xây dựng báo cáo đánh giá kết quả 15 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Thông báo số 74-TB/TW, Kết luận số 04-KL/TW trên phạm vi toàn quốc. Tất cả các bộ, ngành, địa phương đã gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo để tổng hợp. Ban Chỉ đạo đã tổ chức 03 đoàn kiểm tra, 02 hội thảo ở miền Bắc, miền Trung và 01 hội thảo tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học về nội dung dự thảo Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Chỉ đạo. Ngày 19/12/2019, tại trụ sở Chính phủ, Ban Chỉ đạo đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết kết quả 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW. Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo trân trọng báo cáo Ban Bí thư kết quả 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW như sau:

Phần I
KẾT QUẢ 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW, THÔNG BÁO SỐ 74-TB/TW, KẾT LUẬN SỐ 04-KL/TW

1. Tình hình quán triệt, phổ biến Chỉ thị số 32-CT/TW; Thông báo số 74-TB/TW; Kết luận số 04-KL/TW

Với quan điểm "Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng", ngay sau khi Chỉ thị số 32-CT/TW được ban hành, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương đã phối hợp với các Ban của Đảng ở Trung ương tổ chức quán triệt Chỉ thị số 32-CT/TW tại Hội nghị công tác tư pháp toàn quốc tổ chức từ ngày 14/4 đến ngày 17/4/2004. Sau Hội nghị, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, cấp ủy, Uỷ ban nhân dân, Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp đã khẩn trương tổ chức phổ biến Chỉ thị số 32-CT/TW tới cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên của bộ, ngành, đoàn thể mình và các tầng lớp nhân dân dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Để nắm bắt tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW , kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong thực tiễn của việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác PBGDPL, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 3 năm (ngày 18/4/2007) và ngày 11/5/2007, Thông báo số 74-TB/TW về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW. Tiếp theo đó, trên cơ sở báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW trên phạm vi toàn quốc[1], ngày 19/4/2011, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Kết luận số 04-KL/TW về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW.

Có thể khẳng định, Chỉ thị số 32-CT/TW, Thông báo số 74-TB/TW, Kết luận số 04-KL/TW đã được các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt, phổ biến một cách nghiêm túc, rộng rãi đến các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp; đã tiến hành sơ kết, tổng kết từ Trung ương đến cơ sở để đánh giá, rút kinh nghiệm, tìm ra các giải pháp mới nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn; nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức Đảng và đảng viên về vai trò, tầm quan trọng của công tác PBGDPL đã có chuyển biến rõ rệt; thường xuyên quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và các doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện PBGDPL. Nhờ đó, công tác PBGDPL đã dần đi vào nền nếp, có chiều sâu và thực chất hơn, đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự ổn định và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

2. Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Thông báo số 74-TB/TW; Kết luận số 04-KL/TW

---

[1] Báo cáo số 108/BC-BCS ngày 20/12/2010 của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về tổng kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW;

Ở Trung ương, thực hiện yêu cầu của Chỉ thị số 32-CT/TW về việc xây dựng kế hoạch, chương trình dài hạn về PBGDPL, Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, các bộ, ban, ngành ở Trung ương và địa phương đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch PBGDPL như: Nghị quyết/Thông tri, Thông báo/Kết luận, Chỉ thị, Chương trình hành động, Quyết định, Kế hoạch, Công văn/Hướng dẫn với nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, sát với tình hình thực tế tại địa phương, phù hợp với đối tượng và địa bàn, xác định rõ trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan trong từng giai đoạn và từng năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW *(xem Phụ lục số 3, 4)* góp phần thực hiện công tác PBGDPL đồng bộ, nghiêm túc ở tất cả các cấp, các ngành.

3. Công tác phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể trong việc triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Thông báo số 74-TB/TW và Kết luận số 04-KL/TW

a) Công tác phối hợp thông qua cơ chế hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL

Trong những năm qua, thực hiện chức năng của mình, Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp đã kịp thời ban hành Chương trình, Kế hoạch hoạt động hàng năm; tư vấn nội dung trọng tâm, hình thức PBGDPL phù hợp với từng đối tượng, vùng miền. Số lượng thành viên tham gia Hội đồng ngày càng nhiều hơn theo hướng phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị tham gia thực hiện công tác PBGDPL[2]. Hội đồng các cấp đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; thành lập Ban Thư ký giúp việc; thông qua Kế hoạch hoạt động hằng năm và cả nhiệm kỳ.

Đến nay, thiết chế Hội đồng phối hợp đã khẳng định vị trí, vai trò trong tư vấn, tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Luật PBGDPL, nhất là hoàn thiện thể chế, chính sách, định hướng chủ đề, nội dung, hình thức PBGDPL cần chú trọng thực hiện.

b) Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức ở các bộ, ngành, địa phương

Với nhận thức công tác PBGDPL là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, các Ban cán sự đảng, đảng đoàn các Bộ, ban, ngành ở Trung ương đã tăng cường chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng và thực hiện các chương trình phối hợp về PBGDPL thông qua nhiều hình thức khác nhau *(xem Phụ lục số 5)*.

---

[2]Tại Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/05/2013 quy định về thành phần và nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL đã bổ sung thêm **04** cơ quan thành viên Hội đồng: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao).

Trên cơ sở các Chương trình phối hợp giữa các bộ, ngành ở trung ương, các cơ quan, đoàn thể ở địa phương đã chủ động ký kết các chương trình, kế hoạch phối hợp thực hiện công tác PBGDPL, trong đó chú trọng PBGDPL cho đối tượng đặc thù theo quy định của Luật PBGDPL. Việc thực hiện các Chương trình, Kế hoạch đó đã nâng cao được trách nhiệm của các ngành, phát huy vai trò của cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện công tác PBGDPL.

4. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Thông báo số 74-TB/TW và Kết luận số 04-KL/TW

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Thông báo số 74-TB/TW, Kết luận số 04-KL/TW, các văn bản quy phạm pháp luật về PBGDPL, việc kiểm tra công tác PBGDPL tại các bộ, ngành, địa phương được thực hiện hàng năm thông qua kế hoạch kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương (Bộ Tư pháp là cơ quan thường trực Hội đồng). Các Đoàn kiểm tra của Hội đồng đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Kết luận số 04-LK/TW, các nhiệm vụ được giao theo Luật PBGDPL; hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL; tổ chức triển khai các Chương trình, Đề án về PBGDPL...

Tính đến nay, riêng Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương đã tổ chức được 60 Đoàn kiểm tra tại các bộ, ngành, địa phương. Qua kiểm tra cho thấy các đơn vị được kiểm tra đã nghiêm túc tổ chức triển khai công tác PBGDPL theo tinh thần chỉ đạo của Chỉ thị số 32-CT/TW, Thông báo số 74-TB/TW, Kết luận số 04-KL/TW và các nhiệm vụ được giao theo Luật PBGDPL. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL, nhiều bộ, ngành và hầu hết các địa phương đều xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác PBGDPL trên địa bàn (hàng năm, đều thành lập từ 2-3 đoàn kiểm tra về công tác PBGDPL).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TẠI CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW, THÔNG BÁO SỐ 74-TB/TW, KẾT LUẬN SỐ 04-KL/TW

1. Xây dựng, hoàn thiện, thể chế, chính sách pháp luật về công tác PBGDPL

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 32-CT/TW; Thông báo số 74-TB/TW; Kết luận số 04-KL/TW, các cấp ủy đảng, chính quyền ở Trung ương và địa phương đã tham mưu cho Đảng và Nhà nước ban hành nhiều văn bản quan trọng trong công tác PBGDPL, đặc biệt là việc xây dựng, ban hành Luật PBGDPL (ngày 20/6/2012, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật PBGDPL). Để triển khai thi hành Luật, **03** Nghị định của Chính phủ, **07** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **04**

Thông tư liên tịch, **13** Thông tư và **02** Quyết định của Hội đồng phối hợp PBGDPL và **01** Quyết định của Hội đồng phối hợp PBGDPL Bộ Quốc phòng đã được ban hành *(xem Phụ lục số 1)*, tạo hành lang pháp lý vững chắc, thống nhất, đồng bộ để thực hiện công tác PBGDPL.

2. Triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án về PBGDPL và Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật

Nhằm tăng cường chất lượng, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ưu tiên các đối tượng đặc thù trong công tác PBGDPL, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành ***05 Quyết định*** về các Chương trình PBGDPL theo từng giai đoạn, mỗi Chương trình có các Đề án PBGDPL cụ thể *(xem Phụ lục số 4)*.

Với việc thực hiện nghiêm túc, bám sát mục tiêu các Chương trình, Đề án, công tác PBGDPL đã ngày càng đi vào nền nếp; chất lượng, hiệu quả từng bước được nâng lên rõ rệt nhìn ở mọi phương diện từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đến việc bố trí nguồn lực, củng cố đội ngũ làm công tác PBGDPL cũng như nội dung, hình thức PBGDPL... Một số kết quả chủ yếu đã đạt được như sau:

- *Giai đoạn 2003-2007:* Các địa phương đã cơ bản hoàn thành mục tiêu 100% cán bộ tư pháp cấp xã được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL. Nhiều tài liệu PBGDPL đã được in và cấp phát miễn phí[3], được dịch ra tiếng dân tộc để phổ biến cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn[4]; cả nước có **12.314** "Nhóm nòng cốt" là thành viên các tổ chức đoàn thể tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật ở khu dân cư; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố đã chọn **2.651** khu dân cư để xây dựng mô hình điểm về chấp hành pháp luật; nhiều hình thức, phương pháp PBGDPL đã được thực hiện thành công như: tổ chức tuyên truyền trực tiếp thông qua sinh hoạt cộng đồng; tổ chức phổ biến trên báo chí, phát thanh, truyền hình; trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật[5]; xét xử lưu động[6], tuyên truyền bằng hình thức cổ động trực quan, thông qua hoạt động văn hóa - văn nghệ, nhất là văn hóa - thông tin lưu động...; 82% xã, phường, thị trấn trong cả nước đã thành lập Hội đồng (hoặc Ban) phối hợp PBGDPL. Cơ chế phối hợp của Hội đồng đã phát huy sức

---

[3]Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cấp phát miễn phí đến 63 Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, 100% Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp xã và các khu dân cư.

[4]Thanh tra Chính phủ tổ chức dịch, in và phát hành các loại tờ gấp pháp luật bằng tiếng dân tộc Êđê, Giơ Rai, Mông, Chăm và Khơ me gửi tới các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đông người dân tộc sinh sống.

[5]Bộ Tư pháp đã hướng dẫn và hỗ trợ 24 Trung tâm tư vấn pháp luật, 25 Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc các địa phương khác nhau thực hiện tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí lồng ghép phổ biến, tuyên truyền pháp luật.

[6]Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Ban điều hành Đề án 4 Trung ương đã lựa chọn và làm thí điểm mô hình này tại 18 Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc các địa phương khác nhau.

mạnh của hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn tham gia thực hiện công tác PBGDPL ở cơ sở.

- *Giai đoạn 2008-2012:* Tính đến cuối tháng 12/2012, cả nước có **15.931** cán bộ tư pháp thực hiện công tác PBGDPL, trong số cán bộ đó có **4.200** người có trình độ cử nhân luật và **7.025** người có trình độ trung cấp luật; **5.686** báo cáo viên cấp tỉnh; **16.395** báo cáo viên cấp huyện và **104.833** tuyên truyền viên cấp xã[7]; các bộ, ngành, địa phương đã tích cực thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hình thức, biện pháp PBGDPL. Các hội nghị tập huấn đều chú trọng thực hiện theo phương pháp bồi dưỡng mới, phù hợp[8]; các chuyên trang, chuyên mục trên các loại hình báo chí được củng cố và cải tiến, tăng về số lượng, cách trình bày hấp dẫn dưới nhiều dạng hỏi đáp, tình huống, tiểu phẩm, phóng sự... Việc biên soạn tài liệu ngày càng đa dạng hơn[9]; cả nước tổ chức được hơn **20.000** cuộc thi và hội thi, hơn **256.000** cuộc giao lưu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ có lồng ghép nội dung pháp luật; đã thực hiện **254.062** cuộc tư vấn pháp luật, **154.517** cuộc trợ giúp pháp lý với sự tham gia của hơn **40.000** tổ chức tư vấn pháp luật, câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và câu lạc bộ pháp luật[10]...

- *Giai đoạn 2012-2016:* Nhận thức của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể về vị trí, vai trò của công tác PBGDPL và trách nhiệm trong triển khai thực hiện Chương trình và các Đề án có nhiều chuyển biến tích cực, sâu sắc, toàn diện và đầy đủ hơn; *thể chế, chính sách về PBGDPL cơ bản được hoàn thiện,* tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ đưa công tác này phát triển ổn định, bền vững với sự ra đời của Luật PBGDPL 2012 và nhiều văn bản hướng dẫn thi hành. Nhiều địa phương đã quan tâm bố trí đủ số người thực hiện nhiệm vụ công tác PBGDPL[11]: Đến năm 2016, có **1.552** báo cáo viên pháp luật Trung ương, **7.165** báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, **19.546** báo cáo viên pháp luật cấp huyện, **168.015** tuyên truyền viên cấp xã[12]; nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến đã được đổi mới, hiệu quả hơn như: Giới thiệu văn bản bằng trình chiếu kết hợp

---

[7] Theo số liệu tại Kỷ yếu Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ từ năm 2008 đến năm 2012 (tr 20).

[8] **Đề án**"tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số" đã tổ chức 528 lớp tập huấn kiến thức pháp luật cho 31.689 người; **Đề án**: "củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật" đã tổ chức 605 lớp tập huấn cho 37.000 đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL; **Đề án**"tuyên truyền, phổ biến, pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động"đã tổ chức hơn 30 lớp tập huấn kiến thức pháp luật về lao động cho hơn 2000 cán bộ và người lao động tham dự.

[9] Biên soạn hơn 10 đầu sách hướng dẫn kiến thức pháp luật và nghiệp vụ PBGDPL cho từng đối tượng cán bộ thực hiện công tác PBGDPL; xây dựng 05 đĩa DVD tuyên truyền pháp luật với 45 tiểu phẩm pháp luật; 07 đầu sách về nội dung tập trung về luật lao động và những văn bản liên quan tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

[10] Theo số liệu tại Kỷ yếu Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ từ năm 2008 đến năm 2012 (tr 26, 27).

[11] Tại An Giang, mỗi Phòng Tư pháp có từ 5-6 biên chế; hầu hết cấp xã bố trí 2 công chức Tư pháp-Hộ tịch; Sở Tài chính, Công ty cổ phần Cảng An Giang thành lập Phòng Pháp chế. Tại Tiền Giang, 100% đơn vị, trường học, Phòng Giáo dục và Đào tạo đều bố trí công chức, viên chức, giáo viên phụ trách công tác PBGDPL.

[12] Theo báo cáo số 99/BC-BTP ngày 31/3/2017 của Bộ Tư pháp về việc sơ kết 03 năm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (tr4).

hình ảnh, phim tư liệu; sân khấu hóa; lồng ghép trong các phong trào, biểu diễn văn hóa văn nghệ, hội trại, diễn đàn; phát thanh trên hệ thống phát thanh nội bộ, trên xe ô tô đưa đón người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc (Bộ Công Thương); đổi mới hoạt động tuyên truyền miệng gắn với trao đổi, đối thoại giải đáp thắc mắc cho người nghe (Bình Dương, Đồng Nai); thi trắc nghiệm (Cần Thơ); thiết lập và nâng cấp các trang thông tin điện tử về PBGDPL; triển khai các văn bản mới ban hành dưới dạng hội nghị trực tuyến qua mạng internet (Bình Dương, Nghệ An, Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh); tuyên truyền, phổ biến qua mạng internet, cập nhật, đăng tải các quy định pháp luật mới; giải đáp pháp luật qua hộp thư điện tử (Hà Nam, Nghệ An). Nhiều giải pháp đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL đã được áp dụng như chỉ đạo cơ quan báo chí chủ động mở các chuyên mục, chương trình mới hoặc nâng cao chất lượng các chương trình hiện có; đầu tư, trang bị các thiết bị kỹ thuật chuyên dụng để ghi hình, biên tập thành các băng, đĩa PBGDPL, sử dụng các phần mềm tin học để thiết kế các sản phẩm PBGDPL (TP.Hồ Chí Minh); công tác PBGDPL trong nhà trường, trong cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân được quan tâm triển khai phù hợp với từng cấp học, bậc học và trình độ đào tạo.

- *Giai đoạn 2017-2019:* Chương trình PBGDPL trong giai đoạn này đã được ban hành kèm theo Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ với rất nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm giải quyết, tháo gỡ những điểm nghẽn trong công tác PBGDPL đang đặt ra cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và điều kiện thực tiễn đặt ra. Với nhiều Đề án được triển khai, trong đó có những Đề án tập trung PBGDPL cho các đối tượng đặc thù như Đề án Tăng cường PBGDPL cho người đang chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ giai đoạn 2018 – 2021 (ban hành kèm theo Quyết định số 2045/QĐ-TTg ngày 19/12/2017) đã tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng, góp phần phòng ngừa tội phạm, tái phạm tội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Đặc biệt, Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019 - 2021 được ban hành kèm theo Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 26/04/2019 đã giúp cho công tác PBGDPL càng ngày càng được gia tăng chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp và các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương trong tổ chức thực hiện PBGDPL

a) Kiện toàn Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp

Trong giai đoạn đầu, Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL của Chính phủ (sau đây gọi chung là Hội đồng phối hợp của Chính phủ) được tổ chức và hoạt động theo Quy chế số 674/HĐPH ngày 21/3/2005 do Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Chủ tịch Hội đồng ký ban hành[13]. Sau khi Luật PBGDPL ra đời, Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương đã được thành lập theo Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 05/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ với 30 thành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng trên cơ sở Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg). Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp (Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện) cũng được thành lập, củng cố, kiện toàn và triển khai hoạt động ngày càng bài bản, hiệu quả.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp, đến nay, có 26 Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương[14] và 100% Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh và nhiều Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện đã được kiện toàn thành viên Hội đồng, Tổ thư ký; nhiều Hội đồng đã ban hành Quy chế mới về tổ chức và hoạt động của Hội đồng, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng[15] (*xem Phụ lục số 6*).

Một số bộ, ngành, đoàn thể Trung ương[16] và địa phương[17] vẫn tiếp tục duy trì hoặc thành lập mới Hội đồng ngành hoặc cấp xã để tư vấn, tham mưu giúp Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, điều phối hoạt động, triển khai công tác PBGDPL thuộc phạm vi quản lý mặc dù Luật PBGDPL không bắt buộc phải thành lập (Hội đồng PBGDPL tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh[18]; Hội đồng phối hợp PBGDPL Công an tỉnh[19]; Hội đồng phối hợp PBGDPL Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng[20]; Hội đồng phối hợp PBGDPL/Tổ công tác PBGDPL tại các Sở, ban, ngành...). Bên cạnh thiết chế Hội đồng, Tòa

---

[13] Hội đồng gồm 33 thành viên là đại diện các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và có 6 ban: (1) Ban phối hợp hoạt động PBGDPL cho nhân dân; (2) Ban phối hợp hoạt động PBGDPL cho cán bộ, công chức; (3) Ban phối hợp hoạt động PBGDPL cho cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, người lao động trong các doanh nghiệp; (4) Ban phối hợp hoạt động PBGDPL cho học sinh, sinh viên; (5) Ban phối hợp hoạt động PBGDPL cho lực lượng công an nhân dân; (6) Ban phối hợp hoạt động PBGDPL cho lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam, lực lượng dân quân tự vệ

[14] Bộ Quốc phòng đã thành lập Hội đồng ở các quân khu, quân chủng, binh chủng, binh đoàn, học viện, nhà trường, tổng công ty, tập đoàn kinh tế: gồm 59 Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng. Bộ Công an đã thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL tại các đơn vị trong cơ quan Bộ, các Tổng cục và Công an tỉnh.

[15] Theo số liệu tại Báo cáo số 58/BC-HĐPH ngày 04/3/2019 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương báo cáo kết quả của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.

[16] Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo...

[17] Bà Rịa-Vũng Tàu, Khánh Hòa, Bắc Kạn...

[18] Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Hậu Giang, Lâm Đồng, An Giang, Bắc Kạn, Bà Rịa -Vũng Tàu

[19] Tiền Giang, Hậu Giang, Lâm Đồng, An Giang, Bắc Kạn

[20] Tiền Giang, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu

án nhân dân tối cao đã thành lập Ban Chỉ đạo về công tác Thông tin - tuyên truyền...

b) Kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc triển khai công tác PBGDPL đã được Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương quan tâm thực hiện, việc ban hành kế hoạch được gắn với nhu cầu thực tiễn của việc phổ biến các chính sách, pháp luật mới hoặc các sự kiện chính trị-pháp lý quan trọng của đất nước như: Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016; Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng...

Hội đồng cấp tỉnh, cấp huyện đã tư vấn giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL hàng năm (bảo đảm 100% cấp tỉnh, cấp huyện đều có Kế hoạch); xây dựng, ban hành văn bản liên tịch tăng cường công tác PBGDPL trên các lĩnh vực, đối tượng, địa bàn trọng điểm[21], liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoặc gắn với sự kiện chính trị của địa phương.

Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp từ Trung ương đến địa phương đã kịp thời chỉ đạo, tư vấn, hướng dẫn toàn diện, thống nhất công tác PBGDPL ở các ngành, các cấp, góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Hoạt động chỉ đạo, tư vấn, hướng dẫn của Hội đồng phối hợp các cấp được duy trì thường xuyên, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các ngành, các cấp phối hợp thực hiện, nguồn lực về con người, cơ sở vật chất dành cho công tác PBGDPL ngày càng được chú trọng và tăng cường, từng bước đưa công tác PBGDPL vào nề nếp, đồng bộ, thống nhất hiệu quả.

4. Xác định nội dung trọng tâm cần PBGDPL và lựa chọn các hình thức PBGDPL phù hợp với đối tượng, địa bàn

a) Nội dung trọng tâm tuyên truyền, PBGDPL và phổ biến kịp thời, đầy đủ các luật mới được thông qua đến cán bộ và Nhân dân

Bên cạnh việc quán triệt và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng, các bộ, ngành, địa phương tập trung phổ biến quy định của Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, đặc biệt các văn bản liên quan đến công tác xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật; các chế độ, chính sách, quy định mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; quyền, nghĩa vụ của công dân; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật; các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan

---

[21] PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng, PBGDPL về phòng, chống tham nhũng; giải quyết khiếu nại, tố cáo; PBGDPL cho cán bộ và người lao động trong doanh nghiệp; PBGDPL cho một số đối tượng như: thanh niên, phụ nữ, nông dân.....

đến phạm vi quản lý của ngành, đoàn thể, địa phương; các quan điểm, chính sách mới trong dự thảo văn bản luật; những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận; giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách, nhất là những chính sách đang được quan tâm; nội dung các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế, công tác lãnh sự và bảo hộ công dân; chủ trương, quan điểm, chính sách về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính; cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp...

Bên cạnh đó, nội dung PBGDPL còn được lồng ghép và gắn với cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; "Xây dựng nông thôn mới"; lồng ghép với việc tổ chức Ngày Đại đoàn kết tại khu dân cư và nhiều phong trào, hoạt động xã hội khác.

b) Hình thức PBGDPL

Trong 15 năm qua, hình thức PBGDPL luôn được đổi mới, sáng tạo phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể, bám sát yêu cầu của Luật PBGDPL. Nhiều hình thức PBGDPL được áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực. Cụ thể các bộ, ngành, địa phương đã áp dụng một số hình thức PBGDPL có hiệu quả, chủ yếu như:

- Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật

+ *Hình thức PBGDPL trực tiếp* tiếp tục được sử dụng rộng rãi, thông qua hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại hội nghị, hội thảo, toạ đàm, đối thoại chính sách, các lớp tập huấn, nói chuyện chuyên đề, thông qua hội nghị giao ban hàng tháng và một số hoạt động khác. Trong 15 năm qua, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức được hàng chục nghìn cuộc phổ biến pháp luật trực tiếp; tăng cường trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội với người dân[22].

+ *Biên soạn, phát hành tài liệu*: Tài liệu PBGDPL đã được biên soạn theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu của từng nhóm đối tượng, địa bàn, đáp ứng nhiệm vụ chính trị và yêu cầu phổ biến pháp luật của cán bộ, người dân với nhiều loại hình phong phú (sách hỏi đáp, sách chuyên đề, sổ tay pháp luật, sách nghiệp vụ, tờ gấp, đặc san, đề cương giới thiệu luật, sách song ngữ Việt - tiếng nước ngoài, Việt - tiếng dân tộc thiểu số, đĩa hình, đĩa tiếng pháp luật). Các bộ, ngành, địa phương đã tiến hành biên soạn, in ấn, cấp phát miễn phí tài liệu PBGDPL với số lượng lớn, rộng rãi trong nhân dân, trong đó văn bản, tài liệu được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số chiếm một số lượng đáng kể.

---

[22] Tổng Cục thuế, Tổng Cục Hải quan (Bộ Tài chính), Bộ Giao thông vận tải, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam...

- PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng, ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL

+ PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng: Phát huy thế mạnh của phương tiện thông tin đại chúng về tính lan tỏa, nhanh, kịp thời, phổ biến rộng khắp, trong thời gian qua các chuyên trang, chuyên mục pháp luật trên các loại hình báo chí Trung ương và địa phương được cải tiến, tăng về số lượng, nâng cao chất lượng.

Một số chương trình điển hình như: Chương trình "*Vì an ninh Tổ quốc*", "*Đối thoại chính sách*", "*Chính sách và cuộc sống*" trên kênh VTV1; "*Pháp luật và cuộc sống*", "*Kinh doanh và pháp luật*" trên kênh VTV2; Gameshow truyền hình về pháp luật "*Sức nước ngàn năm*"; chuyên mục "*Cái lý cái tình/Khu dân cư rắc rối*" trên kênh VTV3; Chương trình "*Thông tin chính sách và pháp luật*" trên kênh VTV5; Chương trình "*Tòa tuyên án*" trên kênh VTV6; Chương trình "*Công lý mở*" trên kênh VTV8; Chương trình "*Mỗi ngày một chuyện*", trên kênh VTV9; Chương trình "*Vì an ninh Tổ quốc*", "*Bản tin pháp luật*", "*Quốc hội với cử tri*" trên VOV1; Chuyên mục "*Văn hóa giao thông*", "*Các vấn đề xã hội*" trên VOVTV; *"An ninh với cuộc sống", "An ninh 24h"* trên kênh An ninh TV. Nhiều chuyên mục pháp luật được các báo của Thông tấn xã Việt Nam duy trì như: "Văn bản, chính sách mới", "Pháp luật - Đời sống - Xã hội", "An toàn giao thông", "Giải đáp pháp luật", "Chính phủ với người dân"...; chuyên mục *"Câu chuyện cảnh giác", "Nhịp cầu an ninh", "Bạn đọc pháp luật"* trên Phát thanh Công an nhân dân...; Tổ chức các diễn đàn trao đổi, tọa đàm về chính sách và dự thảo chính sách (Báo Pháp luật Việt Nam); thông tin về thực tiễn tình hình thi hành pháp luật, gương người tốt, việc tốt trong chấp hành pháp luật...

Ở địa phương, đã có sự phối hợp với Đài truyền hình tỉnh, Đài phát thanh tỉnh, các cơ quan báo đài địa phương với các sở, ngành, đoàn thể trong việc xây dựng và thực hiện các chuyên mục pháp luật ngày càng chặt chẽ và hiệu quả.

+Ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL: Hiện nay, có 04 bộ, ngành trung ương[23] và 04 địa phương[24] có Trang thông tin điện tử PBGDPL riêng; 01 địa phương có Cổng thông tin điện tử PBGDPL (TP.Hồ Chí Minh). Nhiều địa phương đã thiết lập các chuyên mục PBGDPL trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử (55/63 tỉnh, thành phố); 100% bộ, ngành, đoàn thể, địa phương đều thực hiện việc đăng tải công khai các văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản để lấy ý kiến lên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử. Nhiều hình thức ứng dụng công nghệ thông tin đã được thực hiện như: Giải đáp pháp luật qua thư điện tử, gửi ý kiến giải đáp qua đường bưu điện và thực hiện các buổi giao lưu

[23]Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc.
[24] Hà Nội, Quảng Nam, Khánh Hòa, Hà Nam.

trực tuyến trên mạng Internet[25]; giải đáp vướng mắc của doanh nghiệp và người dân trên Cổng thông tin điện tử, qua điện thoại (Bộ Tài chính)...

Việc tuyên truyền, PBGDPL qua mạng xã hội Facebook (Đồng Tháp; Công an thành phố Đà Nẵng duy trì hoạt động của 02 trang facebook "Cảnh sát giao thông thành phố Đà Nẵng" và "Tuổi trẻ Công an thành phố Đà Nẵng"); trang facebook "Tư vấn pháp luật của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Đắk Lắk"; tổ chức Hội nghị trực tuyến với cấp huyện (Thanh Hóa, Cao Bằng); thực hiện chương trình tư vấn pháp luật trực tiếp trên sóng phát thanh (Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp...). Thực hiện Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019 – 2021", các bộ, ngành, địa phương đang tích cực triển khai các nhiệm vụ của Đề án đáp ứng yêu cầu của công tác PBGDPL trong tình hình mới.

- *Hình thức thi tìm hiểu pháp luật*: Tính đa dạng của thi tìm hiểu pháp luật được tổ chức với nhiều hình thức như thi hái hoa dân chủ, thi viết, thi qua hình thức sân khấu, tổ chức thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, thi trên mạng[26]... Trong thời gian qua, qua tổng hợp, các địa phương đã tổ chức 211.663 cuộc thi, với 193.008.539 lượt người tham dự.

Điển hình như Cuộc thi viết: "Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" có **4.855.057 bài dự thi**[27] (đặc biệt, đã có **378** bài dự thi của kiều bào ta ở gần 30 nước và vùng lãnh thổ); Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật dành cho học sinh trung học phổ thông năm 2016, 2017 đã thu hút **269.611** học sinh của 17 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước đăng ký tham gia[28]; Cuộc thi "Tìm hiểu pháp luật trực tuyến" trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp đã tổ chức **08** lần trong 03 năm từ 2017-2019 với **109.613.000** người tham gia; Cuộc vận động "Xây dựng phong cách người công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ" (Bộ Công an); các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về đất đai[29]; cuộc thi "sáng kiến cải cách TTHC và giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT" thu hút **60.000** lượt người tham gia (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); Hội thi Tìm hiểu luật cư trú với hơn 47.526 bài dự thi (Tiền Giang). Các cuộc thi được tổ chức với mục đích cung cấp kiến thức

---

[25] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải.....

[26] Trung ương Hội Nông dân Việt Nam phối hợp cùng VTC Game và các nhà phát hành game online tại Việt Nam phát động "Cuộc thi Tìm hiểu pháp luật trên Internet - Đồng hành cùng người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số xây dựng nông thôn mới".

[27] Bộ Công an (260.037 bài); Bộ Quốc phòng (245.500 bài); Hà Nội (390.984 bài); Hà Tĩnh (242.716 bài); Hải Dương (307.532 bài); Thanh Hóa (256.000 bài); Vĩnh Phúc (225.000 bài)...

[28] Theo Báo cáo số 10/BC-BTC ngày 09/01/2018 của Ban Tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật và Báo cáo số 72/BC-PBGDPL ngày 14/2/2107 của Ban Tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật)

[29] Bộ Tài nguyên và Môi trường: thi trắc nghiệm trên Báo Cựu chiến binh Việt Nam đã thu hút: 40.547 bài dự thi, trên Báo pháp luật Việt Nam đã thu hút trên 11.088 bài dự thi; thi viết bài cho đối tượng là nông dân đã thu hút 457.160 bài dự thi.

pháp luật cơ bản, kịp thời cập nhật quy định pháp luật mới, xây dựng, hình thành thói quen chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật trong các tầng lớp nhân dân.

- PBGDPL thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.

+ PBGDPL thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý

Thông qua các hình thức trợ giúp pháp lý như tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và một số hình thức khác đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật nói chung của cán bộ và nhân dân. Hiện cả nước có 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý với 147 Chi nhánh và 645 Trợ giúp viên pháp lý, 3.214 người tham gia trợ giúp pháp lý (bao gồm 2.725 cá nhân ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và 245 người của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, trong đó có 1.087 luật sư). Hình thức này đã thu hút đông đảo cá nhân và tổ chức tham gia như: Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư các tỉnh, thành phố tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí nhân dịp Ngày truyền thống luật sư Việt Nam 10/10; "Tổ phụ nữ trợ giúp pháp lý" tại các xã điểm vùng dân tộc Khmer (An Giang); Hội liên hiệp phụ nữ các tỉnh/thành phố thành lập 35 trung tâm/phòng tư vấn pháp luật, các trung tâm này đã thực hiện tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động tới tận thôn, bản (Giai đoạn 2008-2017 đã tổ chức tư vấn được 14.783 cuộc PBGDPL và tư vấn cho 134.873 người); Chương trình "Tư vấn pháp luật" (Đồng Tháp) trực tiếp trên sóng truyền hình được thực hiện từ 15 giờ đến 16 giờ, ngày thứ Ba tuần thứ 4 các tháng trong năm, thời lượng là 60 phút với các đại diện lãnh đạo các Sở, ngành của tỉnh, lãnh đạo của các đơn vị Tòa án, Viện kiểm sát, luật sư... Đây là hình thức PBGDPL được người dân không chỉ trong tỉnh mà những người dân rất nhiều tỉnh lân cận như Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, Kiên Giang ... cũng quan tâm gọi đến để yêu cầu được tư vấn; các cấp công đoàn đã thực hiện tư vấn **446.179** vụ tranh chấp lao động cá nhân, giải quyết quyền lợi cho **1.518.667** người lao động...

Đặc biệt, hình thức trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật đã được triển khai phù hợp và rất hiệu quả *đối với đối tượng đặc thù cũng như nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn.*

Một số nơi, Sở Tư pháp phối hợp với Công an tỉnh tổ chức PBGDPL cho người đang chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện và lồng ghép trong chương trình học văn hoá, học nghề, giáo dục tái hòa nhập cộng đồng (Quảng Nam, Đắc Nông, Thừa Thiên-Huế). Đồng thời, các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng đã chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể của địa phương tổ chức các buổi giao lưu, nói chuyện cho phạm nhân với các chủ đề "Sống có ích", "Thắp sáng

ước mơ hoàn lương"; mở các lớp tư vấn, giáo dục dạy nghề, bảo đảm các điều kiện tái hòa nhập cộng đồng theo Nghị định số 80/2011/NĐ-CP của Chính phủ; phát động cuộc thi vẽ tranh chủ đề "Khát vọng hoàn lương"; phong trào phạm nhân viết thư với chủ đề "Gửi lời xin lỗi"[30]...

Một số địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người khuyết tật tại các Trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội và Hội Người mù (Sóc Trăng, Thái Bình); PBGDPL qua tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động tại các Trung tâm, cơ sở bảo trợ và Hội người mù cho người khuyết tật (Kon Tum, Thanh Hóa, Khánh Hòa); biên soạn, phát hành tài liệu tiếng dân tộc, sổ tay, đĩa CD, lồng ghép qua lễ hội truyền thống (Đắk Lắk, Sóc Trăng, TP Hồ Chí Minh).

+ PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở

Hiện nay công tác hòa giải đã và đang trở thành một hình thức quan trọng và hiệu quả trong hoạt động PBGDPL. Tính đến ngày 31/12/2018, cả nước có **107.074** tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố với **650.366** hòa giải viên[31], vụ việc hòa giải thành đạt tỷ lệ **80,6%**. Nhìn chung, hoạt động hòa giải đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, phát huy tinh thần tương thân, tương ái, gắn bó trong nội bộ quần chúng nhân dân, tiết kiệm công sức, tiền bạc của Nhà nước và nhân dân; củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân vào chủ trương, đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn kỷ cương xã hội, tạo lập môi trường thuận lợi để phát triển sản xuất, phát huy dân chủ và thực hiện công bằng xã hội ở cơ sở.

- PBGDPL thông qua câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

+ PBGDPL thông qua hoạt động của Câu lạc bộ pháp luật: Các địa phương trên cả nước trong thời gian qua đã quan tâm xây dựng, duy trì nhiều loại hình câu lạc bộ pháp luật. Các Câu lạc bộ đều có Quy chế hoạt động, mỗi tháng (hoặc mỗi quý) câu lạc bộ pháp luật sinh hoạt một lần vào một ngày cố định, với các hình thức, chủ đề sinh hoạt rất phong phú, đa dạng như: Tọa đàm, thi hái hoa dân chủ, triển khai các văn bản luật...; nội dung sinh hoạt của Câu lạc bộ không chỉ giới hạn ở những văn bản pháp luật hiện hành mà cả những Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

---

[30] Qua tổng hợp, thống kê cho thấy, Công an các đơn vị, địa phương đã tổ chức được 45.981 lớp phổ biến thông tin thời sự, chính trị, pháp luật, GDCD, giáo dục tái hòa nhập cộng đồng cho 2.432.600 lượt phạm nhân. Tại địa phương, đã tổ chức tuyên truyền tập trung 196.915 buổi cho 346.184 đối tượng thuộc diện giáo dục tại cộng đồng dân cư và đối tượng chậm tiến có biểu hiện vi phạm pháp luật.

[31] Năm 2013, cả nước có 118.116 tổ hòa giải với 614.731 hòa giải viên. Năm 2014, có 118.662 tổ hòa giải với 666.872 hòa giải viên.Năm 2015, có 118.375 tổ hòa giải với 673.420 hòa giải viên.Năm 2016, có 111.649 tổ hòa giải với tổng số 661.183 hòa giải viên.Năm 2017 có 107.561 tổ hòa giải với 651.215 hòa giải viên.

+ *PBGDPL thông qua mô hình tủ sách pháp luật* đã có bước phát triển mới; đa dạng, phong phú hơn. Hiện cả nước có **11.660** tủ sách pháp luật cấp xã/11.162 xã, phường, thị trấn trong toàn quốc (một số đơn vị cấp xã còn xây dựng được 02 Tủ sách pháp luật/01 đơn vị); **60.308** tủ sách pháp luật tại cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, nhà trường và cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân[32].

Bên cạnh mô hình tủ sách pháp luật đã phát triển và nhân rộng còn có nhiều "kênh" tuyên truyền pháp luật khác cho cán bộ, nhân dân như: Tủ sách, ngăn sách pháp luật tại điểm Bưu điện - Văn hóa xã do ngành Thông tin và Truyền thông quản lý[33]; Tủ sách của cấp ủy Đảng theo Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật quản lý[34]; Thư viện cấp xã do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý[35]. Điển hình như 100% Công an các địa phương có Tủ sách pháp luật, được trang bị từ cấp Trung ương đến cấp xã, phường, thị trấn với hơn **160.444.065** cuốn sách/**21.837** đầu sách pháp luật. Tủ sách pháp luật được phủ rộng trên toàn quốc đã góp phần củng cố, duy trì văn hóa đọc sách, khuyến khích việc tìm hiểu thông tin pháp luật của người dân.

- PBGDPL thông qua hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường

Công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường đã có nhiều đổi mới, gắn với triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng công tác PBGDPL trong nhà trường (giai đoạn 2008 - 2012 và tiếp tục thực hiện đến năm 2021) theo Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, từng bước được chuẩn hóa.

Ở địa phương, 100% Sở Giáo dục và Đào tạo đã quan tâm tổ chức tập huấn và bồi dưỡng chuẩn hóa về kiến thức, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên, giảng viên pháp luật, giáo dục công dân; báo cáo viên pháp luật và cán bộ phụ trách công tác PBGDPL định kỳ, thường xuyên và theo chu kỳ. Hàng năm, tổ chức các cuộc thi giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi môn giáo dục công dân... Qua tổng hợp, đến nay, cả nước đã tổ chức khoảng 500 lớp tập huấn với sự tham

---

[32]Số liệu theo báo cáo số 257/BC-BTP ngày 31/10/2019 báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

[33] Thông tư số 17/2013/TT-BTTTT ngày 02/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hoạt động của điểm Bưu điện – Văn hóa xã: Hiện trên cả nước có 8.115 điểm Bưu điện – Văn hóa xã, trong đó có 7.826 điểm đang hoạt động (289 điểm tạm dừng hoạt động), các điểm này được đặt chủ yếu trong khuôn viên UBND xã.

[34] Thông báo số 220-TB/TW ngày 10/02/2009 và Kết luận số 30-KL-TW ngày 08/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

[35] Pháp lệnh Thư viện năm 2010, Thông tư số 13/2016/TT-BVHTTDL ngày 09/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy chế mẫu hoạt động của Thư viện công cộng cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài Thư viện quốc gia Việt Nam, 63 Thư viện cấp tỉnh và 663 Thư viện cấp huyện, hiện trên cả nước có 3.257 Thư viện cấp xã (chiếm 29,2%) và 16.727 phòng đọc sách cơ sở ở thôn, làng, bản, ấp.

gia của khoảng 300 người/lớp tập huấn; khoảng 400 cuộc thi giáo viên dạy học, học sinh giỏi môn giáo dục công dân với sự tham gia của khoảng 24.000 người. 100% các Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc đầu tư trang bị tủ sách pháp luật nghiêm túc và có hiệu quả, được giáo viên, cán bộ thường xuyên tìm đọc và bổ sung đầu sách pháp luật. Đối với các cơ sở giáo dục đại học, gần 80% trường có tủ sách pháp luật, ngăn sách pháp luật tại trung tâm thông tin thư viện.

Thực hiện Chương trình PBGDPL ngoại khóa cho học sinh, sinh viên trong trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2013-2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều hình thức PBGDPL trong các cơ sở giáo dục được tổ chức hiệu quả như: tuyên truyền, phổ biến về các văn bản pháp luật giao thông đường bộ, nghĩa vụ quân sự, trẻ em, vấn đề bạo lực học đường; xây dựng hòm thư góp ý, tố giác tội phạm tại các trường THPT và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; mô hình "Tiết pháp luật" (tại Thủ Thừa, Vĩnh Hưng, Long An)[36]; Tổ PBGDPL nhà trường, Ngày giáo dục pháp luật[37]; tổ chức PBGDPL qua sinh hoạt chào cờ đầu tuần; qua hệ thống phát thanh trường học; tổ chức Hội thi cấp tỉnh "Học sinh trung học phổ thông tìm hiểu về pháp luật" (Sóc Trăng); Hội thi hùng biện "Câu chuyện tình huống đạo đức và pháp luật" dành cho học sinh trung học phổ thông (Quảng Nam); Hội thi "Rung chuông vàng", "Phiên tòa giả định" (Phú Yên); thành lập Phòng Tư vấn học đường và tổ tư vấn cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục (Bà Rịa-Vũng Tàu); tổ chức cho giáo viên và học sinh đi thực tế, dự phiên tòa xét xử vụ án trẻ vị thành niên phạm tội, xem phim tư liệu (Vĩnh Phúc); phát động giáo viên viết đề tài, sáng kiến kinh nghiệm dạy môn pháp luật, đạo đức, GDCD (Lạng Sơn), giao cán bộ thư viện tại một số trường học tổ chức đọc và giới thiệu đầu sách, tuyên truyền về tài liệu PBGDPL để thu hút cán bộ, giáo viên, học sinh mượn đọc, nghiên cứu (Bắc Kạn), thành lập "Câu lạc bộ những người yêu thích môn học pháp luật" (Đại học Thái Bình)...

Ngoài ra, một số hình thức PBGDPL mới, có hiệu quả cũng được áp dụng cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống như: tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật, đối thoại với công nhân lao động nhân Tháng Công nhân (Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam). Bộ Quốc phòng đưa việc học tập pháp luật vào chương trình giáo dục chính trị trong toàn quân; tổ chức học tập "mỗi ngày một câu hỏi pháp luật", "mỗi tuần học một điều luật"; diễn đàn "Công an lắng nghe ý kiến nhân dân"; thông qua hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, hỏi và giải đáp các chính sách pháp luật như: Tổng cục Thuế đã hỗ trợ trả lời, tư vấn, giải đáp trực tiếp tại văn phòng cơ quan thuế cho người nộp thuế là 3.107.422 lượt

---

[36]Định kỳ hàng tháng, Phòng Tư pháp thống nhất với Ban Giám hiệu các Trường THCS, THPT về nội dung, thời gian và phân công báo cáo viên pháp luật thực hiện báo cáo trong "Tiết pháp luật" vào buổi chào cờ đầu tuần của tháng

[37] Cần Thơ có 408 Tổ PBGDPL; chọn 01 ngày trong tháng là Ngày giáo dục pháp luật.

người; trả lời và tư vấn cho người nộp thuế là 3.324.450 lượt người; trả lời bằng văn bản cho người nộp thuế là 270.474 lượt người... Ủy ban An toàn giao thông quốc gia đã triển khai thực hiện tốt Ngày Hội an toàn giao thông tại các khu vực đại diện cho các vùng miền trong cả nước...

5. Xây dựng, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL

a) Tổ chức, bộ máy, nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL được quan tâm. Hiện nay, tất cả các bộ, ngành đều đã thành lập Vụ Pháp chế là đầu mối tham mưu cho Lãnh đạo Bộ triển khai công tác PBGDPL tại bộ, ngành. Ở địa phương, 63/63 Sở Tư pháp đã thành lập Phòng PBGDPL. Các đơn vị cấp huyện trong cả nước đã thành lập Phòng Tư pháp, trong đó có bố trí cán bộ chuyên trách về công tác PBGDPL. Đối với cấp xã, đội ngũ cán bộ tư pháp, hộ tịch thường xuyên được củng cố và giữ vai trò là lực lượng nòng cốt trong công tác PBGDPL ở cơ sở.

Lực lượng báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật từng bước được rà soát, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động. Đến ngày 01/5/2019, cả nước có **27.401** báo cáo viên pháp luật (trong đó **1.947** báo cáo viên pháp luật Trung ương, **7.674** báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, **17.780** báo cáo viên pháp luật cấp huyện) và **137.844** tuyên truyền viên pháp luật, 100% báo cáo viên pháp luật trung ương có trình độ đại học và trên đại học. Một số ngành còn xây dựng, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật của ngành[38]. Bên cạnh đó, từ Trung ương đến địa phương ngày càng có nhiều báo cáo viên tuyên giáo của Đảng tham gia công tác PBGDPL.

Đối với khối trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, tính đến năm học 2017-2018 cả nước có **14.899** giáo viên dạy môn GDCD. Đối với khối trường đại học, cao đẳng, hầu hết đã bố trí giảng viên giảng dạy pháp luật với tổng số **1.418** giảng viên giảng dạy kiến thức pháp luật của các cơ sở giáo dục đại học[39] (bao gồm cả các trường đang đào tạo chuyên về ngành luật).

b) Việc đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp tài liệu pháp luật để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL

---

[38]Đặc biệt trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân (riêng Công an nhân dân tính đến ngày 30/6/2019 số lượng báo cáo viên pháp luật tại Công an các đơn vị, địa phương là hơn **1.800** người, trong đó cấp tỉnh là hơn **640** người, cấp huyện là hơn **1.100** người).

[39]có **6** Giáo sư, **28** Phó giáo sư, **159** tiến sĩ. Đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ **64,39%**. Tuy nhiên số giảng viên không đúng chuyên ngành Luật tham gia giảng dạy kiến thức pháp luật là **377** người, chiếm tỷ lệ **23,77%**. Các giảng viên này được đào tạo các chuyên ngành như GDCD, triết học, chính trị,... Trong số đó phải kể đến số giảng viên không đúng chuyên ngành và chưa được đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật chiếm tỷ lệ **6,77%**.

Trong thời gian qua, một số bộ, ngành đã tổ chức khảo sát, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ PBGDPL; đánh giá và dự báo nhu cầu của nguồn nhân lực PBGDPL trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực. Nhiều tỉnh, thành phố đã định kỳ hàng tháng tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho báo cáo viên, tuyên truyền viên (Thành phố Hồ Chí Minh...), phối hợp mở các lớp đào tạo trình độ đại học Luật và Trung cấp Luật (Bến Tre, Phú Thọ...) nhằm đáp ứng nhu cầu chuẩn hoá cán bộ và bổ sung cán bộ có trình độ pháp lý cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Riêng Bộ Tư pháp hàng năm tổ chức trung bình 03 hội nghị tập huấn nghiệp vụ về PBGDPL (tại 03 miền) trên phạm vi cả nước cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, huyện, đồng thời tập hợp các vấn đề khó khăn, vướng mắc từ các bộ, ngành, địa phương để giải đáp và đăng tải nội dung đó lên Trang thông tin về PBGDPL của Bộ Tư pháp.

Việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn và bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL ngày càng được quan tâm, đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng công tác PBGDPL trên toàn quốc.

c) Về xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách đối với những người tham gia công tác PBGDPL

Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài chính ban hành các Thông tư liên tịch hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL (Thông tư liên tịch số 63/2005/TT-BTC ngày 05/8/2005; Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014). Theo đó, chế độ thù lao cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; tuyên truyền viên, cộng tác viên, người được mời tham gia, chuyên gia cán bộ thực hiện công tác PBGDPL được quy định rõ ràng và có mức tăng so với quy định trước. Đối với những người tham gia công tác PBGDPL cho 06 nhóm đối tượng đặc thù[40] được hưởng thù lao tăng thêm 20% so với mức thù lao quy định.

6. Việc bố trí kinh phí và huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia công tác PBGDPL

Trước khi có Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác PBGDPL gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên sau khi có Chỉ thị của Ban Bí thư, các Quyết

---

[40] Gồm: người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân; người lao động trong các doanh nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình; người khuyết tật; người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo.

định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Tư pháp ban hành các Thông tư quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật. Theo số liệu báo cáo của các bộ, ngành, địa phương trong 15 năm qua, kinh phí dành cho công tác PBGDPL đã được bố trí nhìn chung năm sau cao hơn năm trước, nhất là giai đoạn từ sau khi Luật PBGDPL được ban hành (theo thống kê chưa đầy đủ, giai đoạn 2010-2019 tổng kinh phí được bố trí là hơn **2.747 tỷ đồng).**

Các tỉnh, thành phố quan tâm bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL là thành phố Hà Nội hơn 400 tỷ đồng (422.014.440.000 đồng); thành phố Hồ Chí Minh hơn 280 tỷ đồng (289.666.277.127 đồng); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hơn 260 tỷ đồng (261.209.200.600 đồng); tỉnh Phú Thọ hơn 200 tỷ đồng (209.233.028.378 đồng); tỉnh Vĩnh Phúc hơn 120 tỷ đồng (120.214.000.000 đồng); tỉnh An Giang hơn 112.950.000.000 đồng...

Các tỉnh có số kinh phí cho công tác PBGDPL thấp là: Cao Bằng gần 10 tỷ (9.925.809.000 đồng); Bạc Liêu hơn 18 tỉ đồng (18.575.793.000 đồng); Gia Lai hơn 20 tỷ đồng (22.801.380.000 đồng)...

Ngoài ngân sách Nhà nước, việc huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của người dân trong công tác PBGDPL đã được triển khai và bước đầu thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Đặc biệt là từ khi triển khai Đề án "Xã hội hóa công tác PBGDPL và trợ giúp pháp lý", việc thí điểm thành lập mô hình Trung tâm pháp luật cộng đồng đã được nhiều địa phương chú trọng nghiên cứu và xây dựng điểm (Thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai, Lai Châu, Long An); Tổ tuyên truyền phổ biến pháp luật (Hà Nội), Trung tâm tư vấn pháp luật cộng đồng hoặc Điểm tư vấn pháp luật (Đồng Nai, Hậu Giang, Đồng Tháp)... Mặc dù mô hình này ở mỗi địa phương có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động khác nhau nhưng đều hướng tới mục tiêu thu hút mọi nguồn lực xã hội thực hiện hoạt động PBGDPL.

7. Việc tổ chức hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam hàng năm

Thực hiện trách nhiệm được giao, hàng năm, Bộ Tư pháp đều ban hành văn bản hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày Pháp luật trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương đã kịp thời tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật: ban hành Chỉ thị, Kế hoạch, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo đến việc triển khai Ngày Pháp luật.

Bộ Tư pháp đã phối hợp với Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức thành công Lễ công bố Ngày Pháp luật năm 2013; Lễ hưởng ứng Ngày Pháp luật và phát động, tổng kết cuộc thi viết "Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" năm 2014, 2015 và gắn với tổ chức vòng chung khảo Hội thi hòa giải viên giỏi toàn quốc

lần thứ III năm 2016; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Lễ hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2017 dưới hình thức "Ngày hội pháp luật" và đặc biệt sự kiện Lễ mít tinh hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2018 gắn với tổng kết đợt thi đua 05 năm hưởng ứng Ngày Pháp luật đã tạo sự lan tỏa sâu rộng tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật trong toàn xã hội.

Ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đã xuất hiện nhiều mô hình mới, hiệu quả trong việc hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam. Cụ thể như: tư vấn, giải đáp kiến thức pháp luật cho người lao động, người sử dụng lao động (thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của hơn ***2.000*** đại biểu là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, thanh niên, chiến sỹ lực lượng vũ trang tham dự; Bình Dương thu hút hơn 3000 cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp); lồng ghép Ngày Pháp luật với Ngày đại đoàn kết toàn dân (Phú Thọ); Tổ chức sinh hoạt chuyên đề với chủ đề về Ngày Pháp luật (Lâm Đồng; Bình Phước, Kon Tum, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam). Tổ chức phát động tin nhắn hưởng ứng Ngày Pháp luật trong nhân dân thông qua Tổng công ty viễn thông Viettel (hơn 70 triệu tin nhắn thuê bao) và Tổng công ty viễn thông Mobiphone (toàn bộ thuê bao đầu số 090), qua đó đã tạo được hiệu ứng tích cực, lan toả của Ngày Pháp luật trong xã hội.

8. Công tác phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận với các cơ quan trong thực hiện PBGDPL

Với lực lượng đội ngũ đông đảo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã huy động được đông đảo đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật là các chuyên gia, nhà khoa học, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến.Trên cơ sở xác định việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt gắn với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì và phát động, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xác định các tiêu chí cụ thể như khu dân cư không có tệ nạn xã hội là một trong các tiêu chí đánh giá xếp loại thi đua hàng năm của khu dân cư.

Công tác phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể đã được thực hiện thường xuyên hơn, chặt chẽ hơn, một số Chương trình, kế hoạch phối hợp cụ thể đã được ký kết, xác định rõ trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện công tác phối hợp PBGDPL; gắn hoạt động PBGDPL, hòa giải ở cơ sở với việc thực hiện các phong trào, các cuộc vận động quần chúng do Đảng và Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát động như phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những tác động tích cực từ khi có Chỉ thị số 32-CT/TW

Sau 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, công tác PBGDPL đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả tốt, đóng góp quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn hiện nay, cụ thể là:

Thứ nhất, nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng về vai trò, tầm quan trọng của công tác PBGDPL đã được nâng lên trên tinh thần xác định rõ hơn công tác PBGDPL là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở.

Thứ hai, thể chế, chính sách của công tác PBGDPL được hoàn thiện, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, toàn diện, chặt chẽ với văn bản có giá trị pháp lý cao nhất là Luật PBGDPL năm 2012 và các văn bản có liên quan từ cấp Nghị định đến Thông tư.

Thứ ba, số lượng, chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL từng bước được cải thiện, nâng cao, bảo đảm ngày càng tốt hơn nhiệm vụ được giao trong quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn.

Thứ tư, nội dung PBGDPL có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhu cầu xã hội, nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành, địa phương, phù hợp hơn với từng đối tượng, địa bàn; hình thức PBGDPL đã được thực hiện đa dạng, phong phú, sáng tạo, thể hiện màu sắc, văn hóa của từng vùng miền đem lại hiệu quả thiết thực.

Thứ năm, nguồn lực tài chính cũng như các chính sách hỗ trợ cho đội ngũ những người làm công tác PBGDPL từng bước được bảo đảm. Việc huy động các nguồn lực tham gia công tác PBGDPL đã được chú trọng và ngày càng có hiệu quả thiết thực với nhiều phương thức và mô hình phong phú, linh hoạt.

Thứ sáu, việc hưởng ứng Ngày Pháp luật đã được triển khai sâu rộng, thực chất, hiệu quả, tạo được hiệu ứng tích cực, lan toả của Ngày Pháp luật, nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong toàn xã hội.

Thứ bảy, hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã được tăng cường, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Qua việc tổng kết cho thấy, thời gian qua, tình hình vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật có chiều hướng ngày càng giảm. Số vụ việc vi phạm hành chính (theo báo cáo của Bộ Tư pháp) **năm 2017:** Tổng số vụ việc vi phạm bị phát hiện: 8.398.944 vụ việc (**giảm 14,6%** so với kỳ báo cáo năm 2016); Tổng số đối tượng bị xử phạt: 7.791.015 đối tượng, giảm khoảng 20% so với kỳ báo cáo năm 2016); **năm 2018**: Tổng số vụ việc vi phạm bị phát hiện: 6.623.670 vụ việc (**giảm 21,1%** so với kỳ báo cáo năm 2017); Tổng số đối tượng bị xử phạt: 6.544.491 đối tượng, giảm khoảng 16% so với kỳ báo cáo năm 2017).

Nhờ việc triển khai tốt công tác PBGDPL, nhiều xã trên toàn quốc đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tính đến cuối năm 2018 đã có 8.805 xã/11.147 đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, chiếm tỉ lệ 79%.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong 15 năm triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW, các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cũng đã nhận thấy những tồn tại, hạn chế chủ yếu sau:

- Công tác PBGDPL chưa được sự quan tâm đúng mức ở một số cơ quan, tổ chức; chưa xác định công tác này "là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị", thậm chí còn bị cho là nhiệm vụ của chính quyền các cấp hoặc của riêng ngành Tư pháp.

- Việc đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết... để đúc rút kinh nghiệm, tìm giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác PBGDPL chưa được chú trọng.

- Nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL ở các cấp, các ngành mặc dù đã được củng cố, kiện toàn và bồi dưỡng kiến thức nâng cao năng lực nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ và đòi hỏi của đất nước trong tình hình mới.

- Việc định hướng nội dung PBGDPL đôi lúc chưa sát với nhu cầu thực tiễn, còn dàn trải, có lúc chưa trọng tâm, trọng điểm. Công tác hướng dẫn phổ biến những lĩnh vực pháp luật mà dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận chưa được thực hiện thường xuyên. Một số hoạt động PBGDPL đôi lúc chưa thực sự hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL bắt đầu chậm; một số hình thức PBGDPL chưa phù hợp với tính chất, đặc điểm của đối tượng đặc thù.

- Cơ sở vật chất, kinh phí dành cho công tác PBGDPL chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa hoặc những địa bàn khó khăn. Các Chương trình và Đề án về PBGDPL có mục tiêu lớn, nhiều nhiệm vụ, hoạt động nhưng thiếu nguồn lực bảo đảm, nhất là đối với địa phương chưa tự cân đối được ngân sách thuộc diện ngân sách Trung ương phải hỗ trợ. Việc điều tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ PBGDPL từ ngân sách của Trung ương cho địa phương chưa được thực hiện phù hợp. Đặc biệt, một số địa phương cấp huyện, xã chưa bố trí ngân sách phục vụ cho hoạt động PBGDPL. Chính sách huy động các nguồn lực xã hội vẫn chưa thực sự khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động này.

- Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa chuyển biến rõ nét.

b) Nguyên nhân

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền và đặc biệt là người đứng đầu chưa nhận thức được một cách đầy đủ, sâu sắc về tính chất, vai trò, tầm quan trọng của công tác PBGDPL nên chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, quyết liệt đối với công tác này cũng như bố trí nguồn lực khả thi để đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ.

- Cơ chế phối hợp giữa bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương với địa phương chưa tốt. Thiết chế Hội đồng phối hợp PBGDPL ở một số nơi chưa thật hiệu quả. Thành viên Hội đồng hoạt động kiêm nhiệm, hay thay đổi, chưa dành thời gian cho công tác của Hội đồng; sự phối hợp giữa các thành viên của Hội đồng còn hạn chế, dồn hết công việc cho cơ quan thường trực của Hội đồng; chưa có nhiều giải pháp khả thi trong việc nâng cao hiệu quả công tác của Hội đồng.

- Đội ngũ nhân lực tham gia thực hiện công tác PBGDPL còn ít, phải kiêm nhiệm nhiều việc, chất lượng không đồng đều. Biên chế của ngành Tư pháp ở địa phương bị hạn chế (Phòng PBGDPL của các Sở Tư pháp trung bình chỉ có 03 công chức) trong khi khối lượng công việc lớn. Chế độ, chính sách cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật còn thấp nên chưa huy động được những người có trình độ tham gia công tác này.

- Kinh phí mặc dù đã được quan tâm bố trí nhưng tại nhiều nơi vẫn rất khó khăn. Nhiều địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, phải phụ thuộc ngân sách Trung ương nên không chủ động được nguồn lực thực hiện. Thực tế là hầu hết các tỉnh càng nghèo thì đối tượng đặc thù có nhu cầu cần được PBGDPL càng nhiều (người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số...) nhưng nguồn lực của tỉnh lại hạn hẹp, khó có thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Bên cạnh đó, công tác PBGDPL là hoạt động mang tính xã hội, phi lợi nhuận nên việc huy động nguồn lực vật chất từ xã hội, cộng đồng doanh nghiệp rất khó khăn; Chưa có chính sách ưu đãi cụ thể cho các cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động PBGDPL nên hạn chế trong triển khai thực hiện.

- Một bộ phận người dân và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chưa tích cực, chủ động, tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và chấp hành pháp luật.

- Trình độ dân trí, văn hóa vùng miền khác nhau, thậm chí một số dân tộc thiểu số còn tồn tại nhiều hủ tục, nhận thức hạn chế, không hiểu ngôn ngữ phổ thông... đòi hỏi công tác PBGDPL phải thực sự dày công, tốn kém, theo phương thức *"mưa dầm, thấm lâu"* nên chưa mang lại hiệu quả kịp thời trên thực tế.

3. Bài học kinh nghiệm

- Nhận thức, sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, đặc biệt của người đứng đầu là một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW cũng như trong công tác PBGDPL nói chung;

- Chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra công tác PBGDPL; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm được giao trong Chỉ thị số 32-CT/TW, Luật PBGDPL.

- Xác định đúng đắn, đầy đủ vai trò tham mưu quản lý nhà nước gắn với điều phối các hoạt động của ngành Tư pháp, của tổ chức pháp chế bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan chuyên môn thuộc UBND trên nguyên tắc công tác PBGDPL là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị; coi trọng công tác tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng, phát huy, nhân rộng và vinh danh các cá nhân, tổ chức có mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong triển khai công tác PBGDPL.

- Chú trọng quan hệ giữa phổ biến nội dung chính sách, pháp luật với giáo dục pháp luật, đặc biệt là giáo dục pháp luật trong nhà trường phải hài hòa trên tinh thần lấy việc giáo dục làm nền tảng;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL chất lượng, hiệu quả, trong đó chú trọng nâng cao năng lực, phát huy, sử dụng có hiệu quả đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Đầu tư đúng mức kinh phí cho công tác PBGDPL, huy động sự tham gia, hỗ trợ kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp cho công tác PBGDPL; lồng ghép công tác PBGDPL với việc thực hiện các chương trình, đề án có liên quan để bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn lực.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PBGDPL TRONG THỜI GIAN TỚI

I. BỐI CẢNH, YÊU CẦU CÔNG TÁC PBGDPL TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Bối cảnh

a) Bối cảnh quốc tế và khu vực

Trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, tình hình quốc tế, khu vực tiếp tục biến đổi, phức tạp, khó lường; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, tác động, ảnh hưởng trên nhiều mặt đến đất nước. Hòa bình, hợp

tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, nhưng cạnh tranh địa chính trị, địa kinh tế và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt và ngày càng phức tạp, trực diện và quyết liệt hơn, tác động đến an ninh, phát triển kinh tế toàn cầu, đặt ra nhiều thách thức về vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, lợi ích của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng.

Khu vực ASEAN đang nổi lên là một khu vực kinh tế năng động. Việc hình thành cộng đồng ASEAN đã tạo ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của thị trường lao động các nước thành viên; mở rộng sân chơi cạnh tranh mà ở đó có nhiều thời cơ mới song cũng nhiều thách thức hơn. Cạnh tranh về nguồn nhân lực chất lượng cao diễn ra mạnh mẽ hơn trên bình diện thế giới, khu vực và quốc gia. Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, nền kinh tế thế giới nói chung và từng quốc gia, vùng lãnh thổ nói riêng đều tiềm ẩn những yếu tố bất lợi như tranh chấp sự ảnh hưởng và quyền lực lãnh thổ, tài nguyên, chiến tranh thương mại và các vấn đề mang tính toàn cầu như khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tình hình khu vực, biển Đông diễn biến phức tạp.

b) Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, chúng ta được kế thừa thành tựu của hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của đất nước ngày càng lớn mạnh; tình hình chính trị, xã hội ổn định; kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia được cải thiện; vị thế và uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao, chủ quyền quốc gia được bảo vệ vững chắc góp phần duy trì môi trường hòa bình phục vụ phát triển đất nước. Bên cạnh những kết quả tích cực, đất nước ta vẫn đang đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, tồn tại và hạn chế. Các vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường đang tạo áp lực lớn đến phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng. Đời sống của một bộ phận dân cư còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai; tình hình trật tự, an toàn xã hội, tội phạm trên một số địa bàn, lĩnh vực diễn biến phức tạp; sử dụng đất đai, tài nguyên còn nhiều lãng phí; tình trạng ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi...

Cùng với những thuận lợi, khó khăn nêu trên, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ, đa chiều đối với tất cả các quốc gia, dân tộc; tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của nước ta. Để chủ động đón nhận làn sóng, sự ảnh hưởng sâu rộng của cuộc cách mạng này đối với Việt Nam, ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành

Nghị quyết số 52-NQ/TW *về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.* Theo đó, toàn bộ hệ thống chính trị và người dân phải chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng, các cơ quan, tổ chức của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc... chuyển đổi số mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận mọi chính sách, pháp luật thông qua môi trường mạng.

Hiện nay, Bộ Chính trị đang chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII. Từ đó đề xuất phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, cải cách tư pháp cho các giai đoạn phát triển tiếp theo của đất nước.

Trong công cuộc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thời gian tới phải đẩy mạnh việc tổ chức thi hành pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hình thành nếp sống theo Hiến pháp, pháp luật mà khâu đầu tiên, quan trọng là PBGDPL. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã xác định: "*Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*"[41]. Vai trò làm chủ của người dân được khẳng định như là mục tiêu, là động lực phát triển của xã hội. Tinh thần thượng tôn pháp luật ngày càng trở thành chuẩn mực trong ứng xử của người dân, hình thành nếp sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nhu cầu tham gia của người dân vào hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật ngày càng gia tăng.

2. Yêu cầu đối với công tác PBGDPL trong thời gian tới

Trước bối cảnh như đã phân tích ở trên cùng với yêu cầu của Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị đối với công tác PBGDPL "*Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật*", Chính phủ đã ban hành một số Nghị quyết quan trọng (Số 63/NQ-CP và số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016; số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016; số 25/NQ-CP ngày 08/2/2017), trong đó xác định phải tiếp tục đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức, đẩy mạnh PBGDPL phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, chú trọng hướng về cơ sở, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, thực chất trên cơ sở tôn trọng quyền tiếp cận thông tin pháp luật của người dân.

---

[41] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

Đặc biệt, ngày 25/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 705/QĐ-TTg về Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021, trong đó đề ra nhiệm vụ và giải pháp: "*Đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL gắn với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin*", cụ thể là: "*Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong triển khai các hoạt động PBGDPL, ưu tiên hình thức trực tuyến thông qua tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn, giải đáp pháp luật qua điện thoại, mạng xã hội, Cổng thông tin/Trang thông tin điện tử...*". Trên cơ sở đó, ngày 26/4/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 471/QĐ-TTg về thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019-2021.

Như vậy, công tác PBGDPL trong thời gian tới phải đảm bảo được tính tập trung, có trọng tâm, trọng điểm về nội dung, phù hợp với đối tượng, địa bàn, hướng mạnh về cơ sở, đồng thời đổi mới hình thức, mô hình trên nền tảng CNTT, đáp ứng kịp thời, đầy đủ, chính xác quyền tiếp cận thông tin pháp luật của người dân, tổ chức theo hướng chủ động, tích cực thích ứng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từ đó sẽ giúp cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật không bị giới hạn về không gian, thời gian, tạo sự lan toả rộng lớn và nhanh chóng các thông tin pháp luật chính thống, hạn chế tối đa cơ hội xuyên tạc, cung cấp thông tin không chính xác của một số mạng xã hội; nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, thu hẹp dần khoảng cách giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền, đẩy mạnh sự tham gia của người dân vào hoạt động quản lý nhà nước; thúc đẩy cải cách hành chính, tạo ra phương thức làm việc mới; giúp người dân dễ dàng, thuận lợi trong khai thác, sử dụng pháp luật để bảo vệ và thực thi các quyền, nghĩa vụ pháp lý; tạo sức lan tỏa sự đồng thuận của xã hội trong thực thi chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN trong giai đoạn mới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PBGDPL

1. Phương hướng

a) Tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng và ý nghĩa to lớn của công tác PBGDPL đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời kỳ mới, là nhiệm vụ xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, xây dựng, củng cố Nhà nước pháp quyền XHCN, đảm bảo quyền con người và quyền công dân; coi đó là một bộ phận không thể tách rời của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực sự đi vào cuộc sống trở thành ý thức, hành động của từng cá nhân, tổ chức trong xã hội.

b) Tăng cường và đổi mới toàn diện, sâu sắc sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác PBGDPL; xác định Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong công tác PBGDPL, đồng thời cũng là trách nhiệm của toàn dân trong việc tìm hiểu, tuân thủ và chấp hành Hiến pháp, pháp luật.

c) Xác định giáo dục pháp luật là tiền đề mang tính quyết định đến việc hình thành và nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người, là một trong những biện pháp cơ bản có ý nghĩa chiến lược nhằm bồi dưỡng, xây dựng, hình thành nhân cách thế hệ con người mới, đáp ứng các yêu cầu của xã hội hiện tại và tương lai trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tiếp tục quán triệt đầy đủ, triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhất là trách nhiệm được giao trong công tác PBGDPL; thường xuyên theo dõi, rà soát, đánh giá các chính sách, thể chế, quy định pháp luật, kịp thời ban hành mới, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định không khả thi hoặc không còn phù hợp với thực tiễn công tác PBGDPL, đảm bảo tính linh hoạt cho công tác PBGDPL.

b) Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PBGDPL trong đó xác định rõ vai trò của cơ quan quản lý, điều phối và cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ PBGDPL; nâng cao chất lượng đơn vị tham mưu của Bộ Tư pháp; đổi mới phương thức kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết, khen thưởng, rút kinh nghiệm kịp thời; chú trọng việc xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm sáng tạo, hiệu quả, biểu dương các gương điển hình trong PBGDPL và có biện pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong thực hiện PBGDPL ngay trong từng địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị, kể cả việc áp dụng chế tài kỷ luật đối với người đứng đầu.

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các luật, pháp lệnh, văn bản, chính sách mới ban hành thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, ngành, địa phương. Tiếp tục đổi mới nội dung PBGDPL, đa dạng hóa các hình thức, cách thức triển khai thực hiện bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực; bám sát các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội, các vấn đề nổi cộm; triển khai thực hiện nghiêm túc Luật tiếp cận thông tin; Tăng cường các hoạt động đối thoại, giải đáp vướng mắc, bất cập từ thực tiễn thi hành pháp luật.

d) Đổi mới tổ chức bộ máy cán bộ thực hiện công tác PBGDPL; chức năng, nhiệm vụ có sự gắn kết giữa PBGDPL với truyền thông, thông tin pháp luật; củng cố, kiện toàn đội ngũ người làm công tác PBGDPL gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực PBGDPL; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của

đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về PBGDPL, hướng tới tính chuyên sâu, chuyên nghiệp. Xây dựng chương trình, tài liệu chuẩn phục vụ công tác đào tạo tập huấn thường xuyên cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. Nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp, Ban Thư ký giúp việc và của cơ quan thường trực Hội đồng; xây dựng các giải pháp nhằm thắt chặt công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong PBGDPL.

đ) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật song song với phổ biến pháp luật, thường xuyên đổi mới chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học và đặc biệt là xây dựng chuẩn điều kiện về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cần thiết khác cho giáo viên, giảng viên của môn pháp luật, giáo dục công dân.

e) Thực hiện tốt công tác PBGDPL cho đối tượng đặc thù, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo. Nhà nước tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách; cung cấp thông tin về pháp luật; chuẩn hóa tài liệu PBGDPL; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; bảo đảm nguồn lực thực hiện PBGDPL cho đối tượng đặc thù và tại các lĩnh vực, địa bàn có điều kiện khó khăn. Đặc biệt, cần tập huấn, đào tạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên phục vụ nhóm yếu thế phải bảo đảm được chuẩn hóa, có đủ nhiệt huyết, kiến thức, kỹ năng và am hiểu về đối tượng, vùng miền cần PBGDPL;

g) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế phù hợp về ngân sách, tài chính phục vụ công tác PBGDPL theo hướng coi công tác PBGDPL là những hoạt động đặc thù mang tính mục tiêu, chú trọng hướng về cơ sở, các địa bàn khó khăn, chậm phát triển, vùng sâu, vùng xa; ngân sách phải đủ và tương xứng với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ PBGDPL; tiếp tục đẩy mạnh chính sách đa dạng hóa nguồn lực xã hội cho công tác PBGDPL từ tài chính, con người đến kiến thức, kinh nghiệm, công nghệ, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng...; tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác PBGDPL.

h) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL, xây dựng và mở rộng hình thức tìm hiểu pháp luật qua trang thông tin điện tử, trang facebook chính thức của các đơn vị trên cơ sở thực hiện thành công Đề án về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019-2021 ban hành kèm theo Quyết định 471/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/4/2019; tăng cường hệ thống thông tin cơ sở góp phần đưa pháp luật đưa đến gần với người dân.

i) Phát huy sức mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan thông tấn, báo chí; tăng cường chất lượng các chuyên trang, chuyên mục về pháp luật trên cơ sở ưu tiên ***"giờ vàng"*** cho các chuyên mục đó.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ban Bí thư

a) Đề xuất Ban Bí thư ban hành văn bản mới thay thế Chỉ thị số 32-CT/TW nhằm tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PBGDPL đáp ứng tình hình mới hiện nay, bảo đảm phù hợp, linh hoạt, hiệu lực, hiệu quả; định hướng các giải pháp đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế nhằm tăng cường công tác tổ chức thực hiện pháp luật; phát huy vai trò chủ động, tích cực, tính tự giác và trách nhiệm nêu gương của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong học tập, nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, đặc biệt là trong tuân thủ và chấp hành pháp luật.

b) Đề nghị tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền trên toàn quốc quan tâm chỉ đạo công tác PBGDPL, coi đây là một trong những nhiệm vụ của công tác giáo dục chính trị tư tưởng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị.

2. Đối với Quốc hội, Chính phủ

a) Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện chính sách, thể chế về công tác PBGDPL theo chỉ đạo của Ban Bí thư sau khi tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật PBGDPL bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, linh hoạt, khả thi, phù hợp với yêu cầu công tác PBGDPL trong giai đoạn mới;

b) Có chế độ, chính sách bảo đảm tính tổng thể, đồng thời xác định trách nhiệm cụ thể, khả thi cho từng ngành, từng cấp trong công tác PBGDPL nhất là đối với các tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách. Hàng năm cần phân bổ một nguồn ngân sách dành riêng cho công tác PBGDPL đảm bảo tương xứng với nhiệm vụ PBGDPL từ nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ cho địa phương.

c) Chỉ đạo các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương

- Quán triệt đầy đủ, triển khai thực hiện nghiêm túc trách nhiệm được giao theo Luật PBGDPL; bảo đảm các nguồn lực cần thiết để triển khai công tác PBGDPL; tập trung tuyên truyền, phổ biến các luật, pháp lệnh, văn bản, chính sách mới trong phạm vi quản lý; đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL gắn với triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL; kịp thời khen thưởng, động viên, nhân rộng các tấm gương điển hình, có thành tích nổi bật; chủ động, linh hoạt xử lý hoặc kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn triển khai công tác PBGDPL;

- Hỗ trợ và có cơ chế phù hợp để phát huy vai trò Hội đồng phối hợp PBGDPL ở cơ quan, đơn vị; quản lý, thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

- Chủ động rà soát, xây dựng giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL đối với đối tượng đặc thù, nhóm yếu thế trong xã hội theo phạm vi lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý, coi đây là nội dung trọng tâm, thường xuyên của công tác PBGDPL;

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch, đề án PBGDPL phải bám sát nhu cầu thực tiễn xã hội và tập trung giải quyết những vấn đề nóng thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý;

- Đối với các tỉnh biên giới, đề nghị phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các bộ, ngành có liên quan trong xây dựng, triển khai các chính sách, giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm tăng cường công tác PBGDPL cho đồng bào vùng giáp biên, bảo đảm an ninh biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia, chủ quyền biển đảo…;

- Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan khẩn trương rà soát các quy định về ngân sách dành cho công tác PBGDPL để từ đó có các giải pháp, hướng dẫn cụ thể về bố trí kinh phí đảm bảo chất lượng, hiệu quả của công tác PBGDPL trên toàn quốc.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Ban Chỉ đạo kính trình Ban Bí thư xem xét, quyết định./.

T/M BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CÁN SỰ ĐẢNG CHÍNH PHỦ

Trương Hòa Bình

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đảng đoàn Quốc hội;
- Ban cán sự đảng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng, các ban Đảng TW;
- Đảng đoàn MTTQVN, các tổ chức CT-XH và Ban Bí thư TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Ban cán sự đảng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao; Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Các Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc TW;
- Lưu: VT, BCĐCT32. 92

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 1
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, THỂ CHẾ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW VÀ LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TẠI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 213 - BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW)

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành	Nội dung
I	**LUẬT**			
1	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật	Quốc hội	20/6/2012	
III	**NGHỊ QUYẾT**			
1	Nghị quyết số 61/2017/NQ-CP	Chính phủ	07/12/2007	Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 13 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân
III	**NGHỊ ĐỊNH**			
1	Nghị định 28/2013/NĐ-CP	Chính phủ	04/4/2013	Hướng dẫn thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật
2	Nghị định số 110/2013/NĐ-CP	Chính phủ	24/9/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp,

				hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (trong đó có xử lý vi phạm trong lĩnh vực PBGDPL)
3	Nghị định 52/2015/NĐ-CP	Chính phủ	28/5/2015	Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật
IV	**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**			
1	Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2010	về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật
2	Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	19/5/2013	Quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL
3	Quyết định số 1060/2013/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	05/7/2013	Thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương
4	Quyết định 09/2013/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ		Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở
5	Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	20/9/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.
6	Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	13/3/2019	Về xây dựng , quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật
V	**THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**			
1	Thông tư số 63/2005/TT-BTC (đã bị thay thế bởi Thông tư liên tịch	Bộ Tài chính	05/8/2005	Về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp

	số 14/2014/TTLT-BTC-BTP)			luật
2	Thông tư số 96/2010/TT-BTP	Bộ Quốc phòng	19/7/2010	Quy định việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về dân quân tự vệ;
3	Thông tư số 18/2010/TT-BTP (đã bị thay thế bởi Thông tư số 21/2013/TT-BTP)	Bộ Tư pháp	05/11/2010	Quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia PBGDPL
4	Thông tư số 47/2012/TT-BQP	Bộ Quốc phòng	31/5/2012	Quy định về xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật trong Quân đội
5	Thông tư số 103/2012/TT-BQP	Bộ Quốc phòng	26/10/2012	Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên các cấp trong Quân đội
6	Thông tư 12/2013/TT-BTP	Bộ Tư pháp	7/8/2013	Quy định quy trình ra thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành
7	Thông tư số 21/2013/TT-BTP (đã bị thay thế bởi Thông tư số 10/2016/TT-BTP)	Bộ Tư pháp	18/12/2013	Quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật
8	Thông tư số 47/2013/TT-BGTVT	Bộ Giao thông vận tải	03/12/2013	Quy định về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành Giao thông Vận tải
9	Thông tư số 79/2013/TT-BQP	Bộ Quốc phòng	26/6/2013	Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của tổ chức pháp chế, cán bộ pháp chế trong Quân đội
10	Thông tư số 10/2016/TT-BTP	Bộ Tư pháp	22/7/2016	Quy định về Báo cáo viên pháp luật, tuyên

				truyền viên pháp luật
11	Thông tư số 42/2016/TT-BQP	Bộ Quốc phòng	30/3/2016	Quy định công tác PBGDPL trong Bộ Quốc phòng
12	Thông tư số 07/2017/TT-BTP	Bộ Tư pháp	28/7/2017	Quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cạn pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã , phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
13	Thông tư số 03/2018/TT-BTP	Bộ Tư pháp	10/3/2018	Quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
14	Thông tư liên tịch số 02/2006/TTLT-BTP-BCA- BQP-BGD&ĐT-BLĐTBXH-TLĐLĐVN	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	07/6/2006	Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học
15	Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BTP-TWHCCBVN	Bộ Tư pháp, Trung ương Hội cựu chiến binh Việt Nam	09/6/2008	Hướng dẫn phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh
16	Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BGDĐT-BTP	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp	16/11/2010	Hướng dẫn việc phối hợp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường
17	Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp	27/01/2014	Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

VII	**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP**			
1	Quyết định số 2056/QĐ-HĐPH	Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Chủ tịch Hội đồng	19/8/2013	Thành lập Ban Thư ký của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật TW
2	Quyết định số 3010/QĐ-HĐPH	Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Chủ tịch Hội đồng	9/12/2013	Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật TW
3	Quyết định số 3847/QĐ-HĐBQP	Hội đồng phối hợp PBGDPL Bộ Quốc phòng	12/10/2013	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 2

SỐ LƯỢNG CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW Ở CÁC BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 213 - BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW)

STT	Bộ, ngành, địa phương	Các loại văn bản						Ghi chú
		Chỉ thị	Kết luận/Thông báo	Chương trình	Quyết định	Kế hoạch	Công văn/ Hướng dẫn	
	Tổng cộng	**19**	**3**	**3**	**190**	**75**	**96**	
1	Bộ Công An	1			2		3	
2	Bộ Công Thương				29		11	
3	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	2		39	8	25	
4	Bộ Quốc Phòng	6			5	3	9	
5	Bộ Thông tin và truyền thông				10		3	
6	Ngân hàng Nhà nước	Ban hành lồng ghép trong Chương trình, Kế hoạch công tác hàng năm						
7	Thanh Tra Chính Phủ	1				7	3	
8	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1			2	9		
9	Bộ Giao thông vận tải	1			5			
10	Bộ Xây dựng	2			20			
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1			19	14	15	
12	Bộ Ngoại giao	Ban hành lồng ghép trong chương trình công tác hàng năm						
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ban hành lồng ghép trong Chương trình, Kế hoạch công tác hàng năm						
14	Bộ Tài chính	1	1		17			
15	Bộ Khoa học và Công nghệ	Không có số liệu						
16	Bộ Nội vụ				12	2		
17	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội				3			
18	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1		2	17	1		
19	Ủy ban Dân tộc				2			
20	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	1			7			

21	Bảo hiểm xã hội Việt Nam					6		
22	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Ban hành lồng ghép trong các kế hoạch công tác chuyên môn						
23	Thông tấn xã Việt Nam	Ban hành lồng ghép trong Chương trình, Kế hoạch công tác hàng năm						
24	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam	1		1		2	1	03 Nghị quyết
25	TW Hội Cựu chiến binh Việt Nam					10	16	
26	TW Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam				1	8	8	
27	Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam					5	2	
28	TW Hội Nông dân Việt Nam	Không có số liệu						
29	TW Hội Luật gia Việt Nam	Không có số liệu						
30	Đài Tiếng nói Việt Nam	Không có số liệu						
31	Đài Truyền hình Việt Nam	Không có số liệu						

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 3

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 213 - BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW

	Tên tỉnh/thành phố	Các loại văn bản							Ghi chú
		Chỉ thị	Nghị quyết/ Thông tri	Thông báo/Kết luận	Chương trình hành động	Quyết định	Kế hoạch	Công văn/ Hướng dẫn	
	Tổng cộng	**157**	**108**	**11**	**4**	**448**	**712**	**128**	**0**
1	An Giang	4	2			5	10	1	
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	3				23	5	2	
3	Bắc Giang	1	2			3	21	3	
4	Bắc Kạn	4	2			3	39		
5	Bạc Liêu	1	2		1	24	111	18	
6	Bắc Ninh		1			3	12		
7	Bến Tre (1)	2	3			6	4	1	
8	Bình Định	1				1		5	
9	Bình Dương	5	3			6	14	3	
10	Bình Phước	1	1			4	3		
11	Bình Thuận	1					2		
12	Cà Mau	1	5				3	14	
13	Cần Thơ	1	1			5	26	1	
14	Cao Bằng		2						
15	Đà Nẵng	1	2			3	1		
16	Đắk Lắk	10	3					1	
17	Đắk Nông	1	1			3			
18	Điện Biên	4	3	1		13	23	28	
19	Đồng Nai	5	1	1		8		1	
20	Đồng Tháp	1		1			4	1	
21	Gia Lai	1	1			1	1	3	
22	Hà Giang		3			3			
23	Hà Nam	6	2				9		
24	Hà Nội	2	2			16	5	1	
25	Hà Tĩnh	2	1			7	5		
26	Hải Dương	1					20		
27	Hải Phòng	2		1		3	2	1	
28	Hậu Giang	7				8	15		
29	Hòa Bình	1				2	6		
30	Hưng Yên	1				2	3	1	
31	Khánh Hòa	1				5	2		

32	Kiên Giang		5			5	1		
33	Kon Tum					5	1		
34	Lai Châu	5	2			5	13		
35	Lâm Đồng	2	1			2	12	1	
36	Lạng Sơn	6	3	1		9	42		
37	Lào Cai (2)	2	5	1		53	49	12	
38	Long An	3	1			26	7	2	
39	Nam Định	1		1			4	1	
40	Nghệ An	3	2	1		18	15		
41	Ninh Bình	2	3		1	32	14	3	
42	Ninh Thuận	12				6	26		
43	Phú Thọ	2	2			1	3		
44	Phú Yên	7	3			7	21	1	
45	Quảng Bình	4	2			16	41	6	
46	Quảng Nam					2	2		
47	Quảng Ngãi	4	2			14	4	1	
48	Quảng Ninh	2				2	18		
49	Quảng Trị	1	1			1		1	
50	Sóc Trăng	1	3			9	9	1	
51	Sơn La	1	5	1		6	9		
52	Tây Ninh	1	3			5		2	
53	Thái Bình	1	1			1	17		
54	Thái Nguyên	1	1			7	16		
55	Thanh Hóa	1					2		
56	Thừa Thiên	4	3			4			
57	Tiền Giang	1	2			3	5	3	
58	TP. Hồ Chí Minh	5	2	2		4	1		
59	Trà Vinh	8	3			5	9	3	
60	Tuyên Quang	1	2		2	2	5	4	
61	Vĩnh Long	1	2			37	16	2	
62	Vĩnh Phúc	4	4				1		
63	Yên Bái		2			4	3		

Ghi chú

(1) Ngoài ra UBND tỉnh còn ban hành trên 50 kế hoạch thực hiện công tác PBGDPL, công văn hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL hàng năm

(2) Thống kê văn bản hướng dẫn của 03 cấp và của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 4

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 32 –CT/TW CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Báo cáo số 243 - BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW)

STT	Cơ quan chủ trì	Tên đề án	Số/ngày/ tháng/năm ban hành	Cơ quan phối hợp	Cấp trình/ban hành
I	**CHƯƠNG TRÌNH PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỪ NĂM 2003 ĐẾN NĂM 2007** (theo Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/01/2003)				
1	Ủy ban Dân tộc	Đề án Nâng cao hiểu biết pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng biên giới.	Quyết định số 121/QĐ-UBDT ngày 18/5/2004	Bộ Tư pháp, Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh biên phòng), ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
2	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đề án Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về đất đai	Quyết định số 710/QĐ-BTNMT ngày 17/6/2004	Hội Nông dân Việt Nam, Thanh tra Nhà nước, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Luật gia	Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	Ban Tôn giáo Chính phủ	Đề án Phổ biến pháp luật cho các tín đồ tôn giáo	Quyết định số 187/QĐ-TTg ngày	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương,	Thủ tướng Chính phủ

			25/3/2005	Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Bộ Tư pháp.	
4	Bộ Tư pháp	Đề án Chỉ đạo các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả trong giai đoạn hiện nay.	Quyết định số 666/QĐ-BTP ngày 8/12/2004	Bộ Văn hoá - Thông tin, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương	Bộ trưởng Bộ Tư pháp
II	**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO Ý THỨC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT CHO CÁN BỘ, NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010** (Theo Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004, Quyết định số 28/2006/QĐ-TTG ngày 28/01/2006)				
1	Bộ Văn hoá - Thông tin	Đề án đưa thông tin pháp luật đến cán bộ, nhân dân thông qua phương tiện thông tin đại chúng và các thiết chế văn hoá thông tin ở xã, phường, thị trấn	Quyết định số 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01/ 2006	Bộ Tư pháp, Bộ Bưu chính, Viễn thông, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí khác	Thủ tướng Chính phủ
2	Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề án xây dựng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư.	Quyết định số 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01/ 2006	Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hoá - Thông tin và các bộ, ngành khác	Thủ tướng Chính phủ
3	Thanh tra Chính phủ	Đề án tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã,phường, thị trấn.	Quyết định số 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01/ 2006	Bộ Văn hoá - Thông tin, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các bộ, ngành khác	Thủ tướng Chính phủ

4	Bộ Tư pháp	Đề án phát huy vai trò của cơ quan và cán bộ tư pháp trong phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn.	Quyết định số 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01/ 2006	Ban Nội chính Trung ương, Toà án nhân dân tối cao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan khác	Thủ tướng Chính phủ
III	**CHƯƠNG TRÌNH PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2012** (theo Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ)				
1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	Đề án tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 04/5/2009	Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc, Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Thủ tướng Chính phủ
2	Bộ Tư pháp	Đề án củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước	Quyết định số 270/2009/QĐ-TTg ngày 27/02/2009	Bộ Nội vụ, Ban Tuyên giáo Trung ương	Thủ tướng Chính phủ
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường	Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009	Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.	Thủ tướng Chính phủ
4	Bộ Lao động -	Đề án tuyên truyền, phổ biến	Quyết định số	Bộ Tư pháp, Tổng Liên đoàn lao	Thủ tướng

	Thương binh và Xã hội	pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp	31/2009/QĐ-TTg ngày 24/02/2009	động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.	Chính phủ
IV	**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 04-KL/TW NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2011 CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA XI)** (theo Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 9/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ)				
1	**Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện đến năm 2016 các Đề án trong Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2008 - 2012 được ban hành theo Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ**				
1.1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số" đến năm 2016	Quyết định số 40/QĐ-BĐH-PH ngày 30/5/2013	Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc, Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
1.2	Bộ Tư pháp	Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án "Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước" đến năm 2016	Quyết định số 1063/QĐ-BTP ngày 9/5/2013	Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ trưởng Bộ Tư pháp
1.3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường" đến năm 2016	Quyết định số 1141/QĐ-BĐHĐA ngày 29/3/2013	Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

				Hồ Chí Minh	
1.4	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp" đến năm 2016	Quyết định số 579/QĐ-LĐTBXH ngày 10/4/2013	Bộ Tư pháp, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
2	**Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các Đề án thuộc Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010 được ban hành theo Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2012-2016**				
2.1	Thanh tra Chính phủ	Đề án "Tiếp tục tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2012 - 2016"	Kế hoạch số 3177/KH-TTCP ngày 30/12/2013	Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam	Thanh tra Chính phủ
2.2	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề án "Tiếp tục xây dựng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư giai đoạn 2012 - 2016"	Kế hoạch số 387/KH-MTTW-BTT ngày 30/9/2013	Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam	
3	**Xây dựng và triển khai các Đề án của Chương trình hành động**				
3.1	Bộ Quốc phòng	Đề án "Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải	Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013	Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ

		đảo giai đoạn 2012 - 2016"			
3.2	Bộ Tư pháp	Đề án "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2012 - 2016"	Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013	Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ, Hội cựu Chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.	Thủ tướng Chính phủ
3.3	Đài Truyền hình Việt Nam	Đề án "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên Đài Truyền hình Việt Nam giai đoạn 2012 - 2016"	Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013	Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông	Không thực hiện
3.4	Đài Tiếng nói Việt Nam	Đề án "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên Đài Tiếng nói Việt Nam giai đoạn 2012 - 2016"	Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013	Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông	Không thực hiện
3.5	Hội Luật gia Việt Nam	Đề án "Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2012-2016"	Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013	Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính	Thủ tướng Chính phủ
V	**CHƯƠNG TRÌNH PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT GIAI ĐOẠN 2017-2021** (Theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ)				
1	**Xây dựng, ban hành Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện đến năm 2021 các Đề án được ban hành theo Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ**				
1.1	Bộ Quốc phòng	Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật	Kế hoạch số 919/KH-BCĐ ngày 23/3/2017	Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

		cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2016" đến năm 2021			
1.2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường" đến năm 2021	Kế hoạch số 3957/QĐ-BGDĐT ngày 28/9/2017	Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
1.3	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp" đến năm 2021	Kế hoạch số 1318/QĐ-LĐTBXH ngày 22/8/2017	Bộ Tư pháp, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
1.4	Bộ Tư pháp	Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2012 - 2016" đến năm 2021	Kế hoạch số 1259/QĐ-BTP ngày 07/8/2017	Bộ Công an, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Bộ trưởng Bộ Tư pháp
1.5	Hội Luật gia Việt Nam	Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục	Kế hoạch số 215/KH-HLGVN ngày 10/8/2017	Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam

		pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2012 - 2016" đến năm 2021			
2	**Xây dựng, trình Thủ tướng ban hành các Đề án thuộc Chương trình**				
2.1	Bộ Tư pháp	Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021"	Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ
2.2	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề án "Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật phục vụ hoạt động khởi nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế"	Chưa ban hành	Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Trước tháng 8/2017
2.3	Bộ Công an	Đề án "Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ giai đoạn 2018 - 2021"	Quyết định số 2045/QĐ-TTg ngày 19/12/2017	Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Trước tháng 8/2017

2.4	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Dự án phổ biến, giáo dục và nâng cao nhận thức chính sách pháp luật đất đai cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trong phạm vi cả nước, ưu tiên đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa và nông thôn giai đoạn 2016 - 2020	Quyết định số 3064/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2017		Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
2.5	Ủy ban Dân tộc	Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2021"	Quyết định số 1136/QĐ-TTg ngày 8/8/2017	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ
2.6	Thanh tra Chính phủ	Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2017 – 2021"	Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ
VI	**CÁC ĐỀ ÁN KHÁC VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**				
1	Ủy ban Dân tộc	Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 – 2025"	Quyết định 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ

2	TW Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 – 2027"	Quyết định số 938/QĐ-TTg ngày 30/6/2017	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thủ tướng Chính phủ
3	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân	Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Thủ tướng Chính phủ
4	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án "Truyền thông về phòng, chống ma túy trên các phương tiện thông tin đại chúng"	Quyết định số 2353/QĐ-BTTTT ngày 20/12/2017		Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Đề án "Phối hợp truyền thông phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm đến năm 2020"	Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 30/12/2017	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt nam	Thủ tướng Chính phủ
6	Bộ Tư pháp	Đề án tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung	Quyết định số 65/QĐ-TTg ngày 12/01/2018	Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối	Thủ tướng Chính phủ

		của Công ước phòng, chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn		cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương các tổ chức chính trị - xã hội, Liên đoàn luật sư Việt Nam	
7	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án Tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020	Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp,Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.	Thủ tướng Chính phủ
8	Bộ Quốc phòng	Đề án tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Quốc phòng	Quyết định số 1637/QĐ-TTg ngày 27/11/2018	Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, Truyền hình Quốc hội, Báo Quân đội nhân dân	Thủ tướng Chính phủ
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án "Tuyên truyền về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020"	Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 05/9/2014	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí	Thủ tướng Chính phủ
10	Bộ Tư pháp	Đề án "Đẩy mạnh phổ biến	Quyết định số	Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền	Bộ trưởng Bộ

		nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân giai đoạn 2015 - 2020"	452/QĐ-BTP ngày 11/3/2015	thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam	Tư pháp
11	Ủy ban Dân tộc	Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2025"	Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/04/2015	Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thủ tướng Chính phủ
12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin đến năm 2020"	Quyết định 893/QĐ-TTg ngày 19/6/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam	Thủ tướng Chính phủ
13	Bộ Giao thông - Vận tải	Đề án "Tăng cường hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật an toàn giao thông trên đường bộ cao tốc và xây dựng mô hình tuyên truyền an toàn giao thông theo hình thức xã hội hóa" (thực hiện đến năm 2020)	Quyết định số 4250/QĐ-BGTVT ngày 01/12/2015		Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
14	Bộ Giao thông -	Đề án "Tăng cường công tác	Quyết định số		Bộ trưởng Bộ

	Vận tải	thông tin tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020"	3490/QĐ-BGTVT ngày 12/12/2016		Giao thông - Vận tải
15	Bộ Nội vụ	Đề án "Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020"	Quyết định số 3480/QĐ-BNV ngày 10/10/2016		Bộ trưởng Bộ Nội vụ
16	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án tuyên truyền thực hiện chính sách, pháp luật về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh đến năm 2020	Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 6/1/2017		Thủ tướng Chính phủ
17	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án 1 "Truyền thông phòng, chống mua bán người" đến năm 2020 thuộc Chương trình hành động phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020	Quyết định số 1090/QĐ-BTTTT ngày 05/7/2017		Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
18	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án Tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020	Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018		Thủ tướng Chính phủ
19	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo"	Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019	Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao	Thủ tướng Chính phủ
20	Viện Kiểm sát	Đề án "Tăng cường công tác	Quyết định số	Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền	Viện trưởng

	nhân dân tối cao	tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, góp phần phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật giai đoạn 2018 - 2022"	467/QĐ-VKSND ngày 12/10/2018	thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
21	Bộ Ngoại giao	Đề án "Tuyên truyền vấn đề biên giới trên đất liền Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2017 – 2020"	Quyết định số 1233/QĐ-TTg ngày 18/8/2017		Thủ tướng Chính phủ
22	Bộ Ngoại giao	Đề án tổng thể về tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông giai đoạn 2008 – 2016 và phương hướng đến năm 2020	Đề án số 1387/ĐA-BNG-BC ngày 17/11/2008		Bộ Ngoại giao

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội; ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 5

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP, QUY CHẾ, NGHỊ QUYẾT PHỐI HỢP GIỮA CÁC BỘ, NGÀNH

(Kèm theo Báo cáo số 213 - BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW)

STT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành	Nội dung
1.	Nghị quyết liên tịch số 813/2008/NQLT-TTCP-UBTWWMTTQVN-TWHNDVN	Thanh tra Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội nông dân Việt Nam	13/5/2008	Quy chế phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ, nhân dân ở xã , phường, thị trấn
2.	Chương trình phối hợp 1285/CTPH-BTP-BTTUBTUMTTQVN	Bộ Tư pháp và Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	24/04/2009	về tăng cường thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở
3.	Chương trình phối hợp số 7897/CTr-BCT-THVN	Bộ Công Thương, Đài Truyền hình Việt Nam	24/8/2012	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin tới các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội về những vấn đề trong quản lý nhà nước
4.	Chương trình phối hợp số 14/CTPH-BTP-HLHPNVN	Bộ Tư pháp, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	10/01/2013	Về đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2013-2017
5.	Chương trình số 28-CTr/BCDDCCTPTW-HĐPHTW	Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo	14/7/2015	Phối hợp thông tin, tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, nhiệm vụ cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp giai đoạn 2015-2020

		dục pháp luật Trung ương		
6.	Chương trình phối hợp số 534/Ctr-TTCP-TTXVN	Thanh tra Chính phủ, Thông tấn xã Việt Nam	10/06/2015	Công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng
7.	Chương trình phối hợp số 2828/CTPH-BTP-THVN-TNVN	Bộ Tư pháp, Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam	11/8/2017	Thông tin, truyền thông về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp giai đoạn 2017-2021
8.	Chương trình phối hợp số 4144/CHTPH-BTP-TWĐTNCSHCM	Bộ Tư pháp, Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	29/10/2018	Chương trình phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
9.	Chương trình phối hợp số 2727/CTPH-BTP-HLGVN	Bộ Tư pháp, Hội Luật gia Việt Nam	25/7/2018	Thực hiện công tác giữa Bộ Tư pháp và Hội Luật gia Việt Nam
10.	Chương trình phối hợp số 60/CTPH-BTP-HLHPNVN	Bộ Tư pháp, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	05/01/2018	Thực hiện công tác công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2018-2022
11.	Chương trình phối hợp số 377/CTPH-HLGVN-HLHPNVN	Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam	06/12/2018	Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng chính sách pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lý, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý và giám sát việc thi hành pháp luật, hòa giải ở cơ sở giai đoạn 2018-2022
12.	Chương trình phối hợp số 03/CTPH-BTNMT-HLGVN	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội Luật gia Việt Nam	05/10/2018	Công tác xây dựng, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường giai đoạn 2018-2023
13.	Quy chế phối hợp số 3877-QCPH/BTP-BTNMT	Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường	28/2/2019	Phối hợp công tác giữa Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường
14.	Chương trình phối hợp số 162/CTPH-TANDTC-BTP	Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp	08/4/2019	Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở giữa Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 6

DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH
THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP BẮT BUỘC THEO LUẬT PBGDPL

(Kèm theo Báo cáo số 23 - BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW)

Stt	Tên bộ, ngành, đoàn thể	Số lượng thành viên Hội đồng
1	Bộ Quốc phòng	17
2	Bộ Công an	29
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
4	Thanh tra Chính phủ	11
5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28
6	Bộ Xây dựng	12
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường	27
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	20
9	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
10	Bộ Tài chính	15
11	Bộ Y tế	
12	Ủy ban Dân tộc	17
13	Bộ Giao thông vận tải	15
14	Bộ Nội vụ	21
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	23
16	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam	16
17	Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	
18	Đài Tiếng nói Việt Nam	
19	Đài Truyền hình Việt Nam	
20	Thông tấn xã Việt Nam	13
21	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
22	Trung ương Hội Luật gia Việt Nam	21
23	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	76
24	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
25	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	12
26	Tòa án nhân dân tối cao	14

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 7

SỐ LƯỢNG BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TRUNG ƯƠNG[1]

(Kèm theo Báo cáo số 213 - BC/BCĐTC32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW)

STT	Bộ, ngành, đoàn thể	Số lượng báo cáo viên pháp luật (người)
1	Bộ Giao thông vận tải	115
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	131
3	Bộ Xây dựng	153
4	Bộ Công thương	32
5	Bộ Tư pháp	227
6	Bộ Thông tin và Truyền thông	131
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo	36
8	Bộ Ngoại giao	69
9	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	95
10	Bộ Quốc phòng	184
11	Bộ Công an	198
12	Bộ Tài chính	52
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	42
14	Bộ Y tế	17
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	55
16	Bộ Nội vụ	109
17	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	62
18	Bộ Tài nguyên và Môi trường	62
19	Thanh tra Chính phủ	31
20	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19
21	Ủy ban Dân tộc	16
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	6
23	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	04
24	Thông tấn xã Việt Nam	01

[1] Tính đến 5/2019

25	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam	33
26	TW Hội Cựu chiến binh Việt Nam	5
27	TW Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	21
28	Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	03
29	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	24
30	Trung ương Hội Luật gia Việt Nam	10
31	Ban Cơ yếu Chính phủ	26
32	Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	38
	Cộng:	**2.008**

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Phụ lục số 8

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PBGDPL, BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT, CÁN BỘ PHÁP CHẾ LÀM CÔNG TÁC PBGDPL Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 213 - BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW

STT	Tỉnh/ thành phố	Giai đoạn 2003 đến 2009						Giai đoạn 2010 đến nay					
		Thành viên HĐPH PBGDPL	Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Tuyên truyền viên pháp luật	Cán bộ thực hiện nhiệm vụ PBGDPL	Cán bộ pháp chế thực hiện nhiệm vụ PBGDPL	Thành viên HĐPH PBGDPL	Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Tuyên truyền viên pháp luật	Cán bộ thực hiện nhiệm vụ PBGDPL	Cán bộ pháp chế thực hiện nhiệm vụ PBGDPL
	Tổng cộng	**9,675**	**3,942**	**11,432**	**73,523**	**9,841**	**1,930**	**9,801**	**7,674**	**17,780**	**137,844**	**16,682**	**3,027**
1	An Giang	229	122	109	2,484	182	41	337	194	184	1,998	182	41
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	39	77	186	1,170	148		39	77	186	1,170	148	
3	Bắc Giang	22	63	200	1,610	229	25	38	92	229	4,475	427	26
4	Bắc Kạn	810	124	219	1,400		26	264	243	187	2,026	142	23
5	Bạc Liêu	346	71	96	775	260	34	251	147	124	1,376	530	49
6	Bắc Ninh	22	53	74	525	125	11	36	94	211	659	126	25
7	Bến Tre	2,034	44	115	1,819	256	220	350	177	178	3,356	236	33
8	Bình Định	260	89	201	1,752	174	74	343	182	307	2,186	173	42
9	Bình Dương	23	57	107	1,264	101	82	39	69	233	2,537	103	17
10	Bình Phước	21	85	92	650	165	37	38	160	266	1,013	304	
11	Bình Thuận	29	70	139	1,102	295	32	37	100	239	1,228	297	32
12	Cà Mau	23	86	147	1,136	193	32	132	361	239	2,332	448	430
13	Cần Thơ	23	160	446	916	85		38	164	260	1,440	85	21
14	Cao Bằng							344	113	319	2,028	199	31

15	Đà Nẵng	28	40	30	139	67	59	34	50	196	2,351	60	21
16	Đắk Lắk	791	165	661	2,989	411	64	422	159	391	3,168	421	47
17	Đắk Nông	240	42	114	810	79	20	263	45	188	912	100	30
18	Điện Biên	28	67	234	1,580	144	19	45	105	258	1,956	339	23
19	Đồng Nai	30	89	259	1,235	176	46	52	177	342	2,258	306	40
20	Đồng Tháp	190	40	333	953	144	144	392	46	350	1,724	144	144
21	Gia Lai	28	28	373	2,265	219		36	127	513	3,758	222	
22	Hà Giang							36	132	397	2,854		
23	Hà Nam	25	35	65	350	180	60	41	67	102	659	240	140
24	Hà Nội	470	60	969	5,191	606	100	786	163	777	10,611	710	100
25	Hà Tĩnh	16	30	150	1,572	270	15	36	47	284	2,268	318	22
26	Hải Dương	23	57	224	2,161	386	63	33	80	245	2,921	377	53
27	Hải Phòng	42	66	236	1,088	223		47	143	194	2,142	466	19
28	Hậu Giang	976	133	128	658	123	64	284	77	167	1,175	189	24
29	Hòa Bình	27	167	505	1,236	231		37	87	270	1,662	368	125
30	Hưng Yên	239	64	171	695	159	20	311	77	153	823	198	31
31	Khánh Hòa	41	72	205	729			37	80	182	1,252		
32	Kiên Giang	24	48	188	617	101	23	39	172	514	2,020	189	38
33	Kon Tum		56	147	626	146	30	37	214	166	1,391	215	37
34	Lai Châu	22	47	284	1,578	98		33	62	353	1,631	120	43
35	Lâm Đồng							402	50	217	1,832	300	82
36	Lạng Sơn	21	73	195	2,141	227		38	76	250	3,274	467	25
37	Lào Cai		144	212	1,329	184	49		151	248	2,586	209	55
38	Long An	91		27	220	17		723	165	906	2,982	383	17
39	Nam Định	141	47	120	2,000	200		303	55	182	1,605	245	21
40	Nghệ An	34	107	539	2,190	554	62	37	92	810	5,656	780	24
41	Ninh Bình	146	33	158	1,075	170	23	239	95	231	846	158	18
42	Ninh Thuận							37	62	96	942	65	25
43	Phú Thọ							428	63	306	3,227	420	63
44	Phú Yên		27	69	377	52	14		112	178	1,260	124	18
45	Quảng Bình	77	133	174	1,074	205	42	167	130	174	1,728	236	82
46	Quảng Nam							36	75	385	2,574		
47	Quảng Ngãi	22	27	141	892			416	235	246	1,687	440	369

48	Quảng Ninh	30	88	209	1,804	271	28	39	148	336	2,053	1,529	34
49	Quảng Trị							36	156	208	1,228	154	27
50	Sóc Trăng	22	169	136	971	95		36	112	281	1,935	123	36
51	Sơn La	37	81	296	3,233	242	18	42	138	338	2,613	451	21
52	Tây Ninh	35	69	84	470	106	40	65	112	137	1,408	106	44
53	Thái Bình	29	65	108	1,050	294	14	38	104	119	1,784	306	45
54	Thái Nguyên	21	33	200	1,000	194	12	37	60	245	1,071	220	15
55	Thanh Hóa								105	543			
56	Thừa Thiên Huế	169	49	186	1,485	24	19	382	94	187	1,211	24	19
57	Tiền Giang	19	46	360	2,085	169	39	40	148	359	3,293	173	62
58	Tp. Hồ Chí Minh	28	90	150	1,169	335	128	32	155	501	2755	370	39
59	Trà Vinh	1,470	40	100	50	116	33	375	193	241	2,113	320	55
60	Tuyên Quang	124	95	247	2,970	151	42	230	89	230	3,476	218	24
61	Vĩnh Long		70	164	1,050	108		283	262	241	1,838	211	21
62	Vĩnh Phúc	38	49	150	1,813	151	26	53	110	181	2,714	268	33
63	Yên Bái								44	200	2,793		46

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 15 NĂM
THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 32-CT/TW

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

PHỤ LỤC 9
KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

(Kèm theo Báo cáo số 45-BC/BCĐCT32 ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW)

STT	Địa phương	Giai đoạn từ 2003-2009					Giai đoạn từ 2010-2019				
		Kinh phí cấp tỉnh			Kinh phí cấp huyện	Kinh phí cấp xã	Kinh phí cấp tỉnh			Kinh phí cấp huyện	Kinh phí cấp xã
		Kinh phí NSNN phân bổ thường xuyên	Kinh phí NSNN cấp theo Chương trình, Đề án	Kinh phí từ nguồn hỗ trợ khác			Kinh phí NSNN phân bổ thường xuyên	Kinh phí NSNN cấp theo Chương trình, Đề án	Kinh phí từ nguồn hỗ trợ khác		
	Tổng	194,693,224,770	28,421,369,000	7,473,006,474	246,873,365,485	181,504,854,200	944,587,858,165	324,640,019,000	17,575,652,000	824,413,600,903	636,399,677,938
1	An Giang	11,550,000,000			7,950,000,000	27,750,000,000	18,000,000,000			12,600,000,000	35,100,000,000
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	1,800,000,000			68,587,081,000	1,200,000,000	9,929,025,000			138,884,594,600	40,808,500,000
3	Bắc Giang	12,350,000,000			5,750,000,000	4,126,000,000	25,630,000,000			13,266,000,000	9,730,000,000
4	Bắc Kạn	995,000,000		141,000,000	1,440,000,000	4,228,250,000	1,479,000,000	2,527,600,000	3,000,000	1,925,000,000	6,100,000,000
5	Bạc Liêu	2,100,000,000			176,265,000	26,000,000	8,884,900,000	3,759,591,000	430,000,000	1,584,037,000	1,615,000,000
6	Bắc Ninh	9,458,000,000	785,000,000		6,630,000,000	4,252,000,000	21,136,000,000	2,894,000,000		12,750,000,000	5,973,000,000
7	Bến Tre	1,450,000,000			937,278,000	661,053,000	20,228,737,000	3,215,750,000		7,455,528,000	3,170,700,000
8	Bình Định	2,220,000,000		9,000,000	150,000,000	3,900,000	10,521,260,000	4,522,160,000	100,000,000	3,970,000,000	4,015,400,000
9	Bình Dương	Không có số liệu									
10	Bình Phước	2,000,000,000			1,368,200,000	885,000,000	12,747,780,000			5,146,300,000	2,995,290,000
11	Bình Thuận						3,114,200,000	3,390,000,000			
12	Cà Mau	4,400,000,000			3,896,500,000	2,184,000,000	26,800,000,000			17,410,000,000	3,605,000,000
13	Cần Thơ	1,800,000,000			1,890,000,000	Dự toán trong NS hàng năm, thực hiện kinh phí khoán	5,500,000,000			8,076,751,000	9,300,869,000
14	Cao Bằng						5,883,000,000			1,777,309,000	2,265,500,000
15	Đà Nẵng	4,100,000,000			2,250,000,000	3,920,000,000	11,800,000,000			4,550,000,000	9,200,000,000
16	Đắk Lắk	5,138,000,000			5,670,000,000	3,220,000,000	10,000,000,000	90,000,000		22,500,000,000	6,440,000,000
17	Đắk Nông		5,321,567,000		1,341,245,785	560,000,000		17,332,539,763		7,555,489,765	4,230,555,098
18	Điện Biên	2,911,000,000		1,514,006,474	534,000,000	249,600,000	3,203,408,000	5,201,592,960		4,691,000,000	1,811,000,000
19	Đồng Nai	2,800,000,000	2,100,000,000		1,500,000,000	1,000,000,000	15,200,000,000	8,500,000,000		4,000,000,000	2,500,000,000
20	Đồng Tháp	5,152,556,000		1,000,000,000	1,691,766,000	1,036,000,000	10,338,760,000	9,017,240,000		8,700,088,000	7,201,963,000

21	Gia Lai	655,500,000			1,801,800,000	1,168,600,000	4,056,740,000	2,495,000,000		7,537,700,000	5,086,040,000
22	Hà Giang						850,000,000			19,250,000,000	48,750,000,000
23	Hà Nam	1,800,000,000			1,963,000,000	1,200,000,000	7,730,000,000	1,350,000,000		9,250,000,000	3,150,000,000
24	Hà Nội	13,500,000,000	9,000,000,000		20,065,842,000	20,440,000,000	94,108,892,400	72,250,360,600	963,100,000	121,606,245,000	70,080,000,000
25	Hà Tĩnh	3,150,000,000		300,000,000	5,460,000,000	10,962,000,000	7,500,000,000	120,000,000	1,100,000,000	16,250,000,000	20,880,000,000
26	Hải Dương						15,300,000,000	1,295,000,000		6,480,000,000	3,180,000,000
27	Hải Phòng	3,500,000,000			2,100,000,000	3,902,500,000	9,400,000,000	1,000,000,000		4,050,000,000	11,150,000,000
28	Hậu Giang	1,000,000,000	100,000,000		600,000,000	760,000,000	6,000,000,000			5,400,000,000	46,360,000,000
29	Hòa Bình	1,607,838,000		256,000,000	418,500,000	1,216,880,000	11,000,000,000	4,000,000,000		8,301,000,000	6,624,000,000
30	Hưng Yên	957,000,000			1,430,000,000	1,732,000,000	5,095,000,000			7,366,000,000	12,859,000,000
31	Khánh Hòa	1,800,000,000					4,000,000,000				
32	Kiên Giang	8,008,000,000			1,807,000,000	3,565,000,000	34,466,000,000			315,000,000	2,175,000,000
33	Kon Tum	1,200,000,000		120,000,000	7,000,000,000	12,726,000,000	3,200,000,000	3,250,000,000		6,250,000,000	15,150,000,000
34	Lai Châu	2,800,000,000	1,200,000,000				9,343,380,000	4,194,354,000	1,050,000,000	7,510,000,000	4,642,400,000
35	Lâm Đồng								19,390,974,000	19,283,247,000	10,842,000,000
36	Lạng Sơn	1,546,000,000	150,000,000		901,000,000	90,600,000	5,462,000,000	2,895,000,000		5,906,300,000	5,152,230,000
37	Lào Cai							5,586,600,000		3,150,000,000	5,670,000,000
38	Long An				155,758,000	1,418,457,000	600,000,000	538,000,000	5,253,000,000	5,041,060,000	3,215,765,000
39	Nam Định		1,100,000,000		600,000,000		8,395,000,000	930,000,000	2,200,000,000	3,092,000,000	648,600,000
40	Nghệ An	1,050,000,000			2,205,000,000	6,720,000,000	1,600,000,000	1,350,000,000		44,100,000,000	9,600,000,000
41	Ninh Bình	387,000,000			810,000,000	2,042,000,000	1,677,558,100	13,323,350,000	1,310,000,000	5,975,000,000	7,860,000,000
42	Ninh Thuận						2,000,000,000			1,925,000,000	
43	Phú Thọ	27,700,000,000	8,487,000,000		25,100,000,000	32,715,000,000	32,804,000,000	9,700,000,000		35,337,691,538	37,389,336,840
44	Phú Yên	3,030,000,000	1,319,000,000	760,000,000	560,000,000	1,469,000,000	7,960,000,000	2,731,000,000	650,000,000	3,745,000,000	3,258,080,000
45	Quảng Bình	1,575,000,000			5,250,000,000	3,895,500,000	20,000,000,000			24,000,000,000	9,540,000,000
46	Quảng Nam	720,000,000			5,400,000,000		1,080,000,000			8,100,000,000	
47	Quảng Ngãi	2,800,000,000			1,960,000,000		16,500,000,000	6,000,000,000	46,000,000	7,700,000,000	3,600,000,000
48	Quảng Ninh	1,970,000,000		118,000,000	10,424,800,000	7,470,500,000	6,300,000,000	720,000,000		14,565,000,000	16,440,000,000
49	Quảng Trị						11,700,000,000	5,220,000,000	3,600,000,000	4,950,000,000	8,820,000,000
50	Sóc Trăng	8,400,000,000			1,401,000,000		28,406,687,848	5,678,126,440		5,976,543,300	
51	Sơn La	2,246,365,900			5,258,625,000	1,234,000,000	9,193,339,000			19,257,115,000	7,485,705,000
52	Tây Ninh	966,000,000	1,260,369,000		5,003,229,000	686,442,500	3,100,000,000	3,935,500,000		2,801,894,000	4,009,989,000
53	Thái Bình	1,680,000,000	420,000,000		4,480,000,000	500,500,000	10,069,440,000	2,251,944,000	36,000,000	12,720,000,000	3,696,592,000
54	Thái Nguyên							30,000,000,000	0	7,300,000,000	20,000,000,000
55	Thanh Hóa						600,000,000	32,000,000,000		5,631,000,000	
56	Thừa Thiên Huế	2,100,000,000		20,000,000	2,520,000,000	2,128,000,000	8,500,000,000	1,000,000,000	500,000,000	6,300,000,000	7,600,000,000
57	Tiền Giang	4,900,000,000			1,925,000,000		11,000,000,000	7,447,940,000		13,101,816,000	8,337,286,000
58	Tp. Hồ Chí Minh	6,000,000,000			16,230,787,700	7,190,071,700	144,235,118,527	30,129,955,000	167,276,000	47,108,484,200	38,604,584,000
59	Trà Vinh	1,202,000,000			634,673,000		27,448,295,427	1,133,400,000	167,276,000	4,576,000,000	6,900,000,000
60	Tuyên Quang	1,973,397,870		3,235,000,000		355,015,000	30,636,823,100	6,496,555,000		4,513,407,500	3,327,293,000

61	Vĩnh Long	300,000,000	Sử dụng chung trong kinh phí Hội đồng		5,000,000	10,000,000	8,100,000,000	Sử dụng chung trong kinh phí Hội đồng		7,920,000,000	5,886,000,000
62	Vĩnh Phúc	8,623,000,000	2,500,000,000		1,285,000,000	960,000,000	78,050,000,000	22,500,000,000		3,929,000,000	2,367,000,000
63	Yên Bái										